TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---------- o0o ----------



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH KẾ TOÁN

Giáo viên hướng dẫn:	**Th.S. Nguyễn Minh Đức**
Sinh viên:	**Nguyễn Thị Nhinh**
Mã số sinh viên:	**20191KT141Q**
Lớp:	**Kế Toán VHVL**
Khóa:	**20191**

HÀ NỘI - 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---------- o0o ----------

Đề tài:

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XL & TMTH AN HÀ

Giáo viên hướng dẫn:	**Th.S. Nguyễn Minh Đức**
Sinh viên:	**Nguyễn Thị Nhinh**
Mã số sinh viên:	**20191KT141Q**
Lớp:	**Kế Toán VHVL**
Khóa:	**20191**

HÀ NỘI – 2019

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung
1	CCDC	Công cụ dụng cụ
2	NVL	Nguyên vật liệu
3	HĐ	Hóa đơn
4	GTGT	Gía trị gia tăng
5	NK	Nhập kho
6	XK	Xuất kho

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ, Mẫu	Nội dung
Sơ đồ 1.1	*Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên*
Sơ đồ 2.2:	*Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.*
Sơ đồ 1.3	*Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.*
Sơ đồ 1.4	*Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển*
Sơ đồ 1.5:	*Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.*
Sơ đồ 1.6	*Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung*
Sơ đồ 1.7	*Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái*
Sơ đồ 1.8	*Ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ*
Sơ đồ 1.9	*Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký – chứng từ.*
Sơ đồ 1.10	*Trình tự ghi sổ hình thức kế toán trên phần mềm kế toán*
Sơ đồ 1.11	*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Sơ đồ 1.12	*sơ đồ kế toán nguyên vật liệu thừa, thiếu khi kiểm kê*
Sơ đồ 1.13	*Sơ đồ Kiểm kê và đánh giá lại NVL theo PP kiểm kê định kỳ*
Sơ đồ 2.1	*Sơ đồ bộ máy tổ chức*
Sơ đồ 2.2	*Quy trình công nghệ xây lắp của công ty*
Sơ đồ 2.3	*Bộ máy Kế toán của Công ty*
Sơ đồ 2.4	*Quy trình hạch toán kế toán*
Sơ đồ 2.5.	*Trình tự hạch toán tài khoản nguyên vật*
Sơ đồ 2.6	*Quy trình ghi sổ tài khoản nguyên vật liệu*
Sơ đồ 2.7	*Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song*
Sơ đồ 2.8	*Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*
Sơ đồ 2.9	*Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*
Sơ đồ 2.10	*Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*
Sơ đồ 2.11	*Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí nhân công trực tiếp*
Sơ đồ 2.12	*Trình tự hạch toán tài khoản Chi phí sử dụng máy thi công*
Sơ đồ 2.13	*Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí máy thi công*
Sơ đồ 2.14	*Quy trình hạch toán tài khoản chi phí sản xuất chung*
Sơ đồ 2.15	*Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí sản xuất chung*
Sơ đồ 2.16	*Quy trình hạch toán tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

Xây dựng cơ bản là một nghành sản xuất độc lập có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Nó góp phần tăng sức mạnh kinh tế, đẩy mạnh tiềm lực quốc phòng, là tiềm lực vật chất kĩ thuật cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Trong sản xuất kinh doanh với mục đích cuối cùng là tìm kiếm lợi nhuận mà con đường chủ yếu để tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp xây dựng cơ bản là phải tìm tòi mọi biện pháp nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo tiến độ thi công, hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây dựng.

Công ty cổ phần XL & TMTH An Hà được thành lập vào năm 2012. Tuy mới thành lập nhưng công ty đã tạo được uy tín và dấu ấn riêng của mình trong lòng khách hàng và được khách hàng tín nhiệm , tin tưởng. Chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt các hệ thống xây dựng như: thang máy, các loại cửa tự động, các hệ thống đèn chiếu sáng;…. Công ty CP xây lắp và TM tổng hợp An Hà được thành lập trên cơ sở những thành viên là những chuyên gia, nhà quản lí có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, đã được đào tạo cơ bản và tham gia điều hành trong các tổ chức lớn, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hang trong và ngời nước.Vì vậy, em đã lựa chọn công ty là cơ sở thực tập của mình.

Trong quá trình thực tập ở công ty, em đã nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của giám đốc và sự giúp đỡ, chỉ dẫn nhiệt tình của bộ phận kế toán trong công ty. Nhờ đó em đã có được một môi trường thuận lợi để thực tập, tìm hiểu quy trình công việc kế toán trong thực tế và học hỏi được những kiến thức bổ ích. Cũng trong thời gian này em đã học được cách áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế, sự khác nhau giữa lý thuyết và thực hành. Là sinh viên chuyên ngành kế toán chuẩn bị ra trường, để xây dựng hành trang tốt cho công việc sau này, ngoài lý thuyết trên lớp còn cần có những trải nghiệm thực tế và khoá luận này đã cho em cơ hội đó. Kết hợp giữa lý thuyết đã học và quá trình thực tập tại công ty, em xin trình bày khóa luận tốt nghiệp với 3 nội dung sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về kế toán nguyên vật liệu

I.1Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu

I.2Nội dung kế toán nguyên vật liệu

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà*

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà

2.2 Thực trạng kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà

Chương 3: Một số kiến nghị để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà*

3.1 Những ưu điểm và tồn tại cần hoàn thiện trong kế toán nguyên vật liệu tại Công ty *Cổ phần* XL & TMTH An Hà

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu

Để hoàn thành báo cáo thực tập này, em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Nguyễn Minh Đức.- giảng viên viện kinh tế quản lý, trường đại học Bách Khoa Hà Nội đã tận tình hướng dẫn em trong suốt thời gian thực tập. Em xin chân thành cảm ơn Giám đốc và bộ phận kế toán của công ty An Hà đã tạo điều kiện, giúp đỡ em khi thực tập tại công ty. Tuy nhiên do đây là lần đầu tiên thực tập, tiếp cận với thực tế và do những hạn chế về kiến thức nên không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô trong viện để báo cáo của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu.

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu

- *Nguyên vật liệu* là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa, vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị NVL được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Hay cũng có thể phát biểu NVL là hàng tồn kho thuộc tài sản ngắn hạn dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh *(PGS.TS Nguyễn Văn Công -Kế toán doanh nghiệp- trang 117).*
- Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã được thay đổi do lao động có ích tác động vào nó. Tuy nhiên không phải bất cứ một đối tượng lao động nào cũng là

nguyên vật liệu mà chỉ trong điều kiện đối tượng lao động mà do lao động làm ra thì mới hình thành nguyên vật liệu.

- Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tuỳ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo,sợi trong doanh nghiệp dệt,vải trong doanh nghiệp may mặc…
- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu trinh sản xuất kinh doanh và toàn bộ giá trị của nguyên vật được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kì. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh chúng bị biến dạng,tiêu hao hoàn toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau(mua ngoài,tự sản xuất,nhận vốn góp,nhận cấp phát…)

Những đặc điểm trên là xuất phát điểm quan trọng cho công tác tổ chức hạch toán kế toán NVL từ khâu tính giá, hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết ***(*** *PGS.TS Nguyễn Văn Công - Kế toán doanh nghiệp).*

1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu theo những tiêu thức phù hợp.

- **Phân loại theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh vật liệu được phân thành những loại sau đây.**

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu, cấu thành nên thực thể của sản phẩm. " Nguyên liệu" là thuật ngữ để chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp, "vật liệu" dùng để chỉ những nguyên liệu đã qua sơ chế.
- Vật liệu phụ: là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.
- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.
- Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết phụ tùng dùng để thay thế sữa chữa và thay thế cho máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.
- Thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm vật liệu và thiết bị cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu khác Doanh nghiệp phục vụ mục đích đầu tư xây dựng cơ bản.
- Vât liệu khác: Là toàn bộ vật liệu còn lại trong quá trình sản xuất chế tạo ra sản phẩm hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định

❖ **Phân loại theo nguồn gốc nguyên vật liệu**

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến.
- Nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh của các đơn vị khác hoặc được cấp phát biếu tặng…
- Nguyên vật liệu khác như kiểm kê thừa, vật liệu không dùng hết.
- **Phân loại theo chức năng nguyên vật liệu .**
- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất, cho nhu cầu bán hàng quản lý doanh nghiệp.

Tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý mà từng loại nguyên vật liệu lại được chia thành từng nhóm, từng thứ quy cách một cách chi tiết, cụ thể hơn. Việc phân loại cần lập

thành sổ danh điểm cho từng thứ vật liệu, trong đó mỗi nhóm được sử dụng một ký hiệu riêng.

1.1.4. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Đối với doanh nghiệp sản xuất, việc quản lý NVL một cách khoa học và hiệu quả là sự đòi hỏi cấp bách. Việc cung cấp NVL phải đầy đủ, kịp thời, tránh lãng phí để đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra thường xuyên đồng thời sử dụng vốn tiết kiệm nhất không gây ứ đọng vốn kinh doanh. Chính vì thế nên ta phải xem xét việc quản lý NVL trên các khóa cạnh: thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng:

Trong khâu thu mua, một mặt phải theo dõi nắm bắt thông tin về thị trường, khả năng cung ứng của nhà cung cấp, các chính sách tiếp thị được nhà cung cấp áp dụng, tính ổn định của nguồn hàng…. Mặt khác phải quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng, quy cách phẩm chất,chủng loại giá mua và tiến độ thu mua, cung ứng phù hợp với chế độ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quản lý thu mua NVL sao cho hiệu quả theo đúng yêu cầu sử dụng với giá cả hợp lý, đồng thời tổ chức tốt khâu vận chuyển để tránh thất thoát.

Trong khâu bảo quản dự trữ: phải tổ chức tốt kho, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản, xác định được định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại NVL đảm bảo an toàn, cung ứng kịp thời cho sản xuất với chi phí tồn trữ thấp nhất.Đồng thời phải có cảnh báo kịp thời khi NVL vượt qua định mức tối đa, tối thiểu để có những điều chỉnh hợp lý, giảm chi phí khâu dự trữ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong khâu sử dụng, chi phí NVL chiếm một tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng NVL đúng mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng NVL, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí NVL trong giá thành sản phẩm.

1.2. Xác định giá trị NVL

Theo TS. Võ Văn Nhị :”Tính giá là phương pháp kế toán dùng để biểu hiện giá trị các đối tượng kế toán bằng tiền, phù hợp với các nguyên tắc cũng như các quy định cụ thể do Nhà nước ban hành.”

1.2.1. Mục đích và nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

❖ **Mục đích**

- Tổng hợp các nguyên vật liệu khác nhau để báo cáo tình hình nhập- xuất- tồn kho nguyên vật liệu.
- Giúp kế toán thực hiện chức năng ghi chép bằng tiền các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ **Nguyên tắc**

- NVL là yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho. NVL khi nhập và khi xuất kho đều phải được ghi sổ theo nguyên tắc giá thực tế hay còn gọi là Gía gốc *(Theo chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho).*
- Giá gốc của NVL bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được NVL ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Ngoài ra, giá trị NVL cũng phải tuân theo một số nguyên tắc, yêu cầu của kế toán và phải chịu sự chi phối của nhiều nhân tố khác nhau *(NCS.Nguyễn Phúc Sinh-ĐH Kinh Tế TP HCM- Tạp Chí Kiểm Toán):*
- Yêu cầu khách quan: thông tin kế toán hữu ích phải có độ tin cậy cao, các thông tin và các số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo đúng với thực tế, không bị xuyên tạc, không bị bóp méo. Giá gốc được hình thành trên cơ sở sự thương lượng với đầy đủ sự hiểu biết và thỏa mãn về lợi ích giữa người mua và người bán, việc ghi chép các giao dịch này hòan toàn có thể kiểm tra được, nên giá gốc đảm bảo được yêu cầu khách quan.
- Nguyên tắc thận trọng: Là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán kế toán trong các điều kiện không chắc chắn, đòi hỏi người làm kế toán phải cố găng đảm bảo rằng, thực trạng tài chính và mức độ thành công (hàm ý kết quả kinh doanh) không được phóng đại. Điều này giúp củng cố sự tin cậy về các lợi ích (thu nhập, tài sản) thực hiện trong tương lai được đảm bảo theo số liệu đã ghi chép ở hiện tại.
- Nguyên tắc nhất quán: Xét về tổng thể thì việc sử dụng giá gốc sẽ thuận lợi hơn các phương pháp khác để đảm bảo tính chất so sánh được của thông tin do đòi hỏi

các chính sách, phương pháp kế toán phải được sử dụng một cách thống nhất và kiên định.

- Nguyên tắc hoạt động liên tục: việc điều chỉnh giá trị các tài sản đang sử dụng theo giá thị trường là không phù hợp với mục đích hình thành tài sản, hơn nữa do không có quan hệ mua bán xảy ra thì giá thị trường không thể xác lập một cách khách quan. Tuy nhiên, nếu có dấu hiệu về sự vi phạm nguyên tắc hoạt động liên tục hoặc DN có dự định bán tài sản thì giá thị trường sẽ thay thế giá gốc sẽ phù hợp hơn.

1.2.2. Các phương pháp xác định giá trị Nguyên vật liệu nhập kho

Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu bao gồm các khoản chi phí khác nhau.

❖ **Giá thực tế của nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm:**

Giá thực tế = Giá ghi trên hóa đơn + Chi phí thu mua + Các loại thuế không hoàn lại (nếu có) - Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán - Hao hụt ngoài định mức.

Trong đó:

- *Giá mua ghi trên hóa đơn:* là sô tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng:

Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của NVL mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT. Nếu thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào bao gồm cả thuế GTGT.

Đối với doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động phúc lợi, dự án thì giá trị của NVL mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán.

Đối với NVL mua bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng VN theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi tăng giá trị NVL nhập kho.

- *Các loại thuế không được hoàn lại*: Thuế nhập khẩu,thuế tiêu thụ đặc biệt(nếu có).
- *Chi phí thu mua:* Là chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng (Vận chuyển, bốc dỡ, kho tàng, bến bãi....)
- *Chiết khấu thương mại:* Là số tiền người mua được hưởng khi mua hàng với số lượng lớn
- Giảm giá hàng mua là số tiền người mua được hưởng do người bán giao hàng không đúng chất lượng hoặc không đúng thời gian hoặc các điều khoản khác đã thỏa thuận trong hợp đồng.

❖ **Giá thực tế của nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến bao gồm:**

Giá thực tế = Gía thực tế của NVL xuất chế biến + Chi phí chế biến (thuê gia công, chi phí khi giao, nhận)

❖ **Giá thực tế nguyên vật liệu tự chế biến bao gồm:**

Giá thực tế = Gía thực tế của NVL xuất chế biến + Chi phí chế biến

❖ **Giá thực tế của nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh.**

Giá thực tế = Giá thỏa thuận + Chi phí tiếp nhận

❖ **Giá thực tế của nguyên vật liệu thu nhặt được, phế liệu thu hồi:**

Giá thực tế = Giá ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

1.2.3. Xác định giá thực tế của Nguyên vật liệu xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho" doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân(cả kỳ dự trữ hoặc sau mỗi lần nhập)
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

Theo thông tư 200(áp dụng từ năm 2015) : không còn phương pháp Nhập sau xuất

trước

Lựa chọn phương pháp còn phụ thuộc vào đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm nguyên vật liệu, số lần nhập xuất, trình độ kế toán, thủ kho…

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị nguyên vật liệu được tính theo giá trị trung bình của từng loại nguyên vật liệu tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại nguyên vật liệu được mua hoặc được sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá thực tế NVL xuất kho = số lượng NVL xuất dùng x Giá đơn vị bình quân

Giá đơn vị bình quân có thể tính theo hai cách sau đây:

- Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ:

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán căn cứ vào giá nhập , lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính đơn giá bình quân cả kỳ.

$$Đơn\ giá\ bình\ quân\ cả\ kỳ\ = \frac{giá\ trị\ tồn\ đầu\ kỳ + giá\ trị\ nhập\ trong\ kỳ}{số\ lượng\ tồn\ đầu\ kỳ + số\ lượng\ nhập\ trong\ kỳ}$$

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của NVL xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng NVL đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ tính một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc hạch toán lại dồn vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của khâu kế toán khác. Đồng thời sử dụng phương pháp này phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm nguyên vật liệu, phương pháp này áp dụng với những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập.

Sau mỗi lần nhập, kế toán xác định lại giá bình quân cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.

$$Đơn\ giá\ bình\ quân\ sau\ mỗi\ lần\ nhập = \frac{Giá\ trị\ thực\ tế\ NVL\ tồn\ kho\ sau\ mỗi\ lần\ nhập}{Số\ lượng\ thực\ tế\ tồn\ kho\ sau\ mỗi\ lần\ nhập}$$

Ưu điểm: khắc phục được nhược điểm của phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ: xác định được giá NVL một cách chính xác, kịp thời hơn và không phải dồn vào cuối kỳ mới phải tính toán, như vậy sẽ không ảnh hưởng tới các khâu kế toán khác.

Nhược điểm: việc tính toán phức tạp, tốn nhiều công sức vì phải tính toán nhiều lần.

Chính vì thế nên phương pháp này chỉ sử dụng ở những Doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu và số nhập của mỗi loại không nhiều.

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là giá trị nguyên vật liệu được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là giá trị nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

Giá trị nguyên vật liệu được tính theo giá của lô nguyên vật liệu nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầy kỳ, giá trị nguyên vật liệu được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

Điều kiện áp dụng: áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại NVL, đơn giá NVL lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng NVL theo từng lần nhập.

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho của từng lần nhập kho} \times \text{Đơn giá tính theo từng lần nhập}$$

- *Ưu điểm:*

+ Phản ánh tương đối chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng và tồn cuối kỳ.

+ Khi giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng, áp dụng phương pháp này sẽ có lãi nhiều hơn khi áp dụng phương pháp khác vì giá vốn bán hiện tại được tạo ra từ giá trị nguyên vật liệu nhập kho từ trước với giá thấp hơn hiện tại.

- *Nhược điểm:*

  + Phải theo dõi chặt chẽ chi tiết từng nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu.

  + Doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại vì doanh thu hiện tại được tạo ra từ các chi phí trong quá khứ.

  + Nếu số lượng chủng loại NVL nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến khối lượng công việc kế toán sẽ tăng lên nhiều.

Chính vì thế, phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm

❖ **Phương pháp tính giá thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu thuộc lô hàng nào thì tính theo đơn giá mua thực tế của lô nguyên vật liệu đó.

- *Ưu điểm:*

  + Là phương pháp cho kết quả tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng kịp thời , chính xác nhất.

  + Thuận lợi cho kế toán trong việc ghi giá

  + Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế

- *Nhược điểm:_ Đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ từng lô nguyên vật liệu nên mất nhiều công sức.*

Chính vì thế, phương pháp tính giá thực tế đích danh được áp dụng đối với các doanh nghiệp có ít loại mặt hàng ít chủng loại vật tư, nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc nguyên vật liệu ổn định và nhận diện được.

1.3. Nội dung kế toán Nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp xây lắp.

1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Để phát huy được vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp, kế toán Nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thu thập đầy đủ chứng từ có liên quan đến đối tượng kế toán vật liệu theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 " Chuẩn mực hàng tồn kho". Tổ chức phản ánh chính xác kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tế của từng loại, từng thứ nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn kho cũng như tình hình tiêu hao, sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh
- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán vật liệu, hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục nhập, xuất, thực hiện đầy đủ đúng chế độ hạch toán ban đầu về Nguyên vật liệu (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ), mở các loại sổ sách, thẻ chi tiết về vật liệu đúng chế độ, đúng phương pháp quy định giúp cho việc lãnh đạo và chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành và toàn bộ nền kinh tế.
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và sử dụng Nguyên vật liệu, phát hiện và xử lý kịp thời vật liệu thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng nguyên vật liệu phi pháp, lãng phí.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại nguyên vật liệu theo chế độ quy định của Nhà nước, lập báo cáo kế toán về nguyên vật liệu và tham mưu, đề xuất với lãnh đạo về công tác quản lý, điều hành và phân tích kinh tế.

1.3.2. Các quy định, chuẩn mực ảnh hưởng đến kế toán NVL

❖ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01: Chuẩn mực chung (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003)

- Quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhãn các yếu tố của báo cáo tài chính của doanh nghiệp.Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc.
- Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

❖ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02: Hàng tồn kho (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003).

- Quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán hàng tồn kho, gồm: Xác định giá trị và kế toán hàng tồn kho vào chi phí; Ghi giảm giá trị hàng tồn kho cho phù hợp với giá trị thuần có thể thực hiện được và phương pháp tính giá trị hàng tồn kho làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Cơ sở giá gốc được áp dụng chính thức trong việc ghi nhận giá trị ban đầu của các đối tượng tài sản như hàng tồn kho..

❖ Luật kế toán số 03/2003(Điều 7: Nguyên tắc kế toán)

- Giá trị của tài sản được tính theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, bốc xếp, vận chuyển, lắp ráp, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đơn vị kế toán không được tự điều chỉnh lại giá trị tài sản đã ghi sổ kế toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Các quy định và phương pháp kế toán đã chọn phải được áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán năm; trường hợp có sự thay đổi về các quy định và phương pháp kế toán đã chọn thì đơn vị kế toán phải giải trình trong báo cáo tài chính.
- Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh…

❖ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008.

❖ Luật số: 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế.

❖ Nghị định 12/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật và Nghị định về thuế.

❖ Thông tư số 13/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng

❖ Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính.

❖ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

1.3.3. Các chứng từ Nguyên vật liệu.

Mọi nghiệp vụ liên quan đến tình hình nhập xuất nguyên vật liệu đều phải được phản ánh ghi chép vào các chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để ghi chép vào thẻ kho và các sổ liên quan chứng từ kế toán là cơ sở, là căn cứ để kiểm tra giám sát tình hình biến động về số lượng của từng loại nguyên vật liệu, thực hiện quản lý có hiệu quả, phục vụ đầy đủ nhu cầu nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau đây là các mẫu biểu chứng từ kế toán theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu :

- Phiếu nhập kho Mẫu 01 – VT
- Phiếu xuất kho Mẫu 02 – VT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ,sản phẩm, hàng hóa Mẫu 03 – VT
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ Mẫu 04 – VT
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa Mẫu 05 – VT
- Bảng kê mua hàng Mẫu 06 – VT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ Mẫu 07 – VT
- Mẫu Hóa đơn giá trị gia tăng Mẫu 01GTKT
- Hóa đơn bán hàng Mẫu 02GTTT

Ngoài ra còn có các chứng từ thanh toán: phiếu thu,phiếu chi,ủy nhiệm thu,chi…

Các chứng từ kế toán cần thống nhất theo một mẫu nhất định, phải lập kịp thời, chính xác, đầy đủ vì đây chính là cơ sở để ghi sổ. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ.

1.3.4. Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK152 – Nguyên liệu, vật liệu: phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Chi tiết cho: 1521 nguyên liệu vật liệu chính, 1522 vật liệu phụ, 1523 nhiên liệu, 1524 phụ tùng thay thế, 1525 vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

Bên nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê

Bên có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê

Số dư bên nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

TK 151- Hàng mua đi đường: Phản ánh giá trị hàng mua ngoài, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng vẫn chưa về nhập kho.

Bên nợ: Trị giá hàng hóa, vật tu đã mua đang đi đường

*Bên có:*Trị giá hàng hóa vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên nợ: Trị giá hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho).

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Có 2 phương pháp hạch toán nguyên vật liệu đó là: Phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kì.

- **Phương pháp kê khai thường xuyên.**

<u>Nội dung:</u>

+ Là phương pháp kế toán theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ sách kế toán.

+ Sử dụng phương pháp này có thể tính được trị giá vật liệu nhập, xuất, tồn tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ tổng hợp.

Ưu điểm:

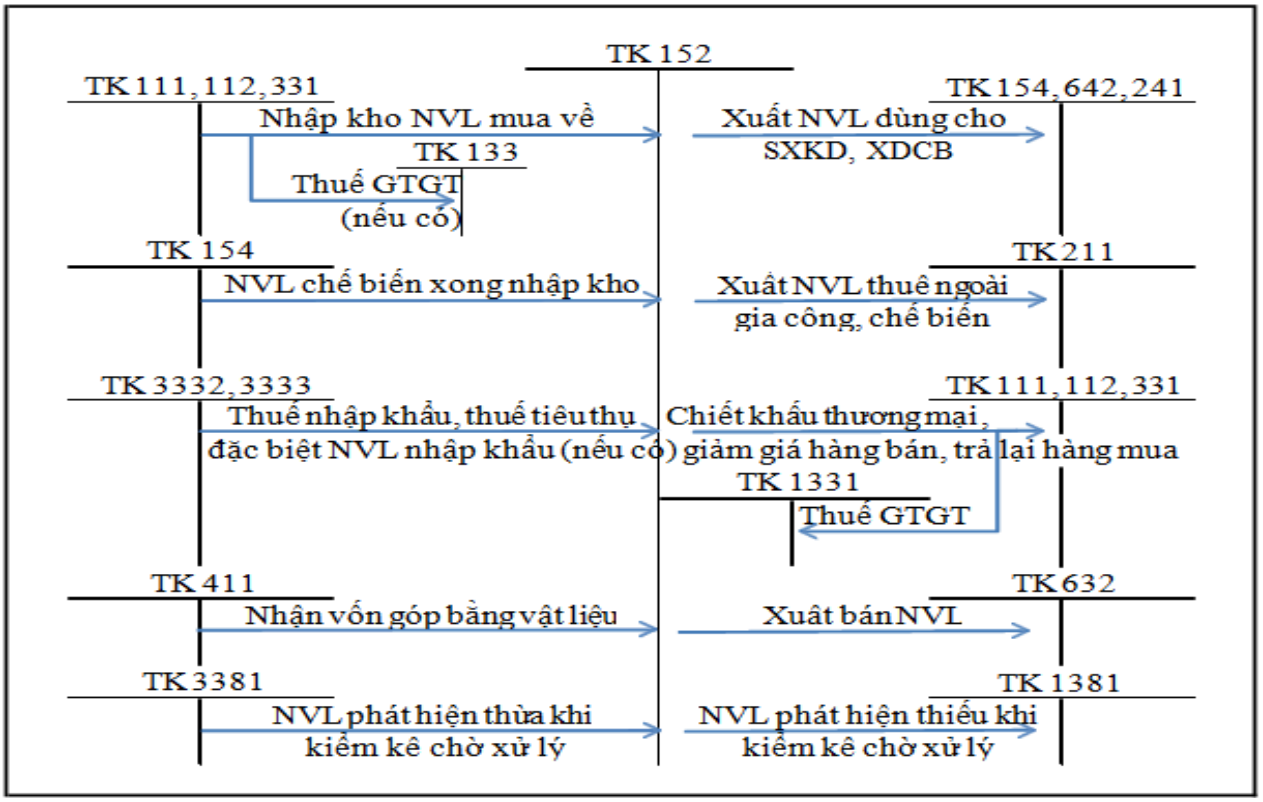
+ Có thể xác định và đánh giá về số lượng và giá trị nguyên vật liệu vào từng thời điểm khác nhau nếu doanh nghiệp có nhu cầu kiểm tra.

+ Nắm bắt, quản lý nguyên vật liệu thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng, kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

+ Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý.

Đối tượng áp dụng: Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Nội dung:

+ Không theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục sự biến động nhập – xuất – tồn của nguyên vật liệu trong kho.

+ Chỉ phản ánh hàng tồn đầu kỳ và cuối kỳ, không phản ánh nhập – xuất trong kỳ.

Tài khoản sử dụng

- TK 611- mua hàng: theo dõi tình hình thu mua,tăng giảm NVL,CCDC,hàng hóa theo giá thực tế (Giá mua + chi phí thu mua).
- Tài khoản này không có số dư và được chi tiết theo từng loại vật liệu.
- Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2: + 6111: Mua nguyên,vật liệu
  + 6112: Mua hàng hóa

Phương pháp:

Căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh kết quả tồn kho cuối kì của vật tư

trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của vật tư xuất trong kỳ:

Trị giá vật tư xuất kho	=	Trị giá vật tư tồn đầu kỳ	+	Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ	-	Trị giá vật tư tồn cuối kỳ

Ưu điểm:

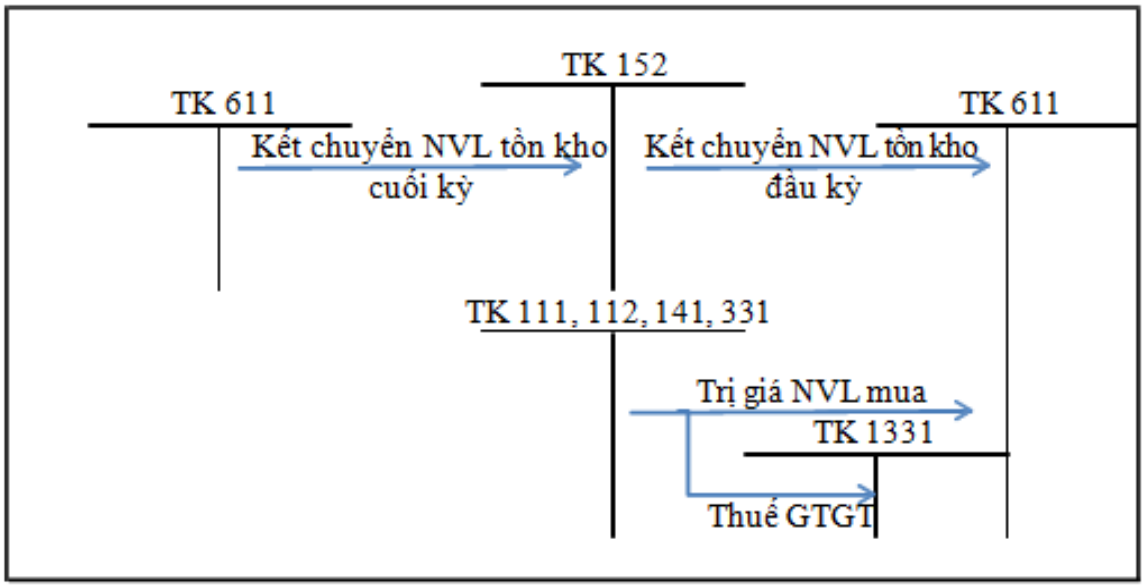
+ Làm giảm khối lượng ghi chép.

+ Giảm bớt sự cồng kềnh của việc ghi chép vào sổ

Đối tượng áp dụng: Phương pháp này áp dụng với doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị thấp , số lượng lớn, nhiều chủng loại, quy cách ... và các đơn vị sản xuất ra một loại nguyên vật liệu nào đó

Chú ý: Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho. Việc doanh nghiệp lựa chọn áp dụng phương pháp nào thì phải căn cứ vào đặc điểm, số lượng, tính chất, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải được thực hiện thống nhất trong niên độ kế toán.

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.3.5. Sổ sách kế toán sử dụng

❖ **Kế toán chi tiết Nguyên vật liệu**

Hạch toán NVL ở các doanh nghiệp được thể hiện trên cơ sở kết hợp giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết. Để hạch toán chính xác NVL cần kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán ở phòng kế toán và hạch toán nghiệp vụ ở kho .

Kế toán chi tiết NVL nhằm mục đích cung cấp thông tin chi tiết cụ thể về tình hình nhập- xuất- tồn vật trong doanh nghiệp theo từng loại hàng và địa điểm bảo quản. Từ đó giúp nhà quản lý và kế toán các doanh nghiệp thương mại tổ chức tốt kế toán chi tiết NVL

Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp kế toán chi tiết sau : (Nguyễn Văn Công, Kế toán doanh nghiệp,trang123):

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

A - Phương pháp ghi thẻ song song.

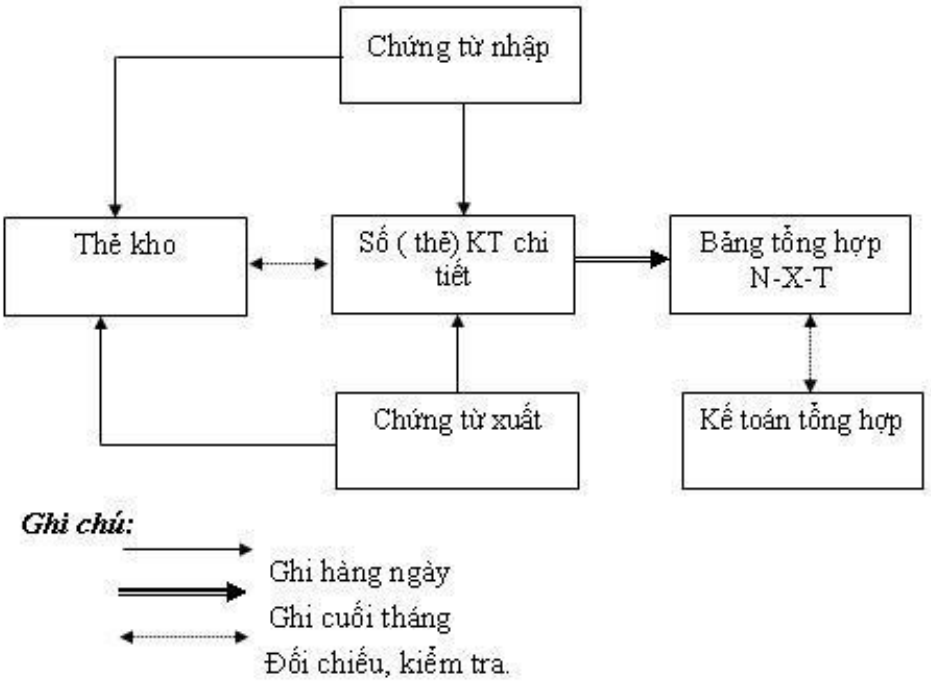
- Nguyên tắc: Tiến hành theo dõi chi tiết NVL song song ở cả kho và phòng kế toán.

  Ở kho theo dõi chỉ tiêu về số lượng còn ở phòng kế toán theo dõi cả chỉ tiêu số lượng lẫn giá trị nhập – xuất – tồn NVL.

- Ở kho: Hàng ngày khi có chứng từ nhập- xuất, thủ kho căn cứ vào số lượng thực nhập, thực xuất trên chứng từ để ghi vào thẻ kho liên quan. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư, cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng nhập- xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm NVL. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.
- Ở phòng kế toán: Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán NVl phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ

hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Sơ đồ : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Sơ đồ 1.3 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

- Ưu điểm:

+ Đơn giản dễ làm không đòi hỏi trình độ nghiệp vụ cao.

- Nhược điểm:

+ Phương pháp này có sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán, việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng nên việc lập báo cáo dễ bị chậm.

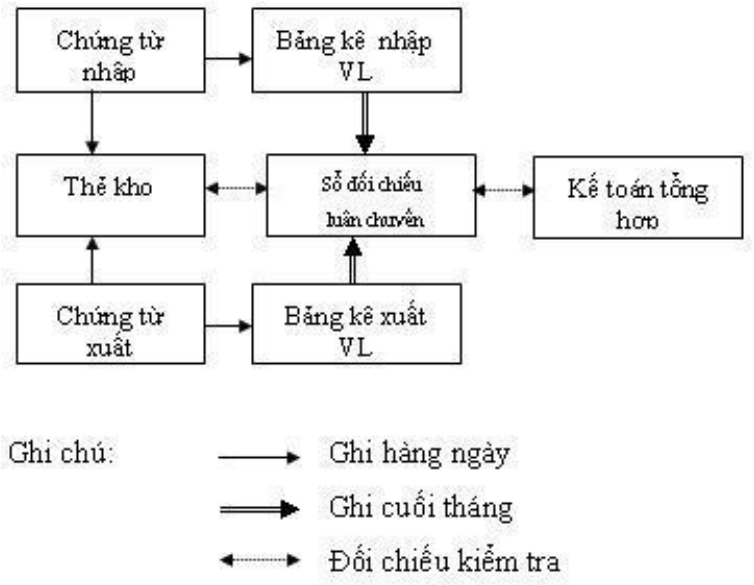
- Điều kiện áp dụng: Phương pháp áp dụng với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, khối lượng nhiệm vụ nhập xuất ít không thường xuyên và trình độ kế toán còn hạn chế.

B - Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Ở kho: Thủ kho cũng tiến hành ghi chép, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng. Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và từng kho kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, xuất vật liệu và dựa vào bảng kê này để ghi sổ đối chiếu tổng lượng nhập của từng thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển, đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp vật liệu.

Sơ đồ : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

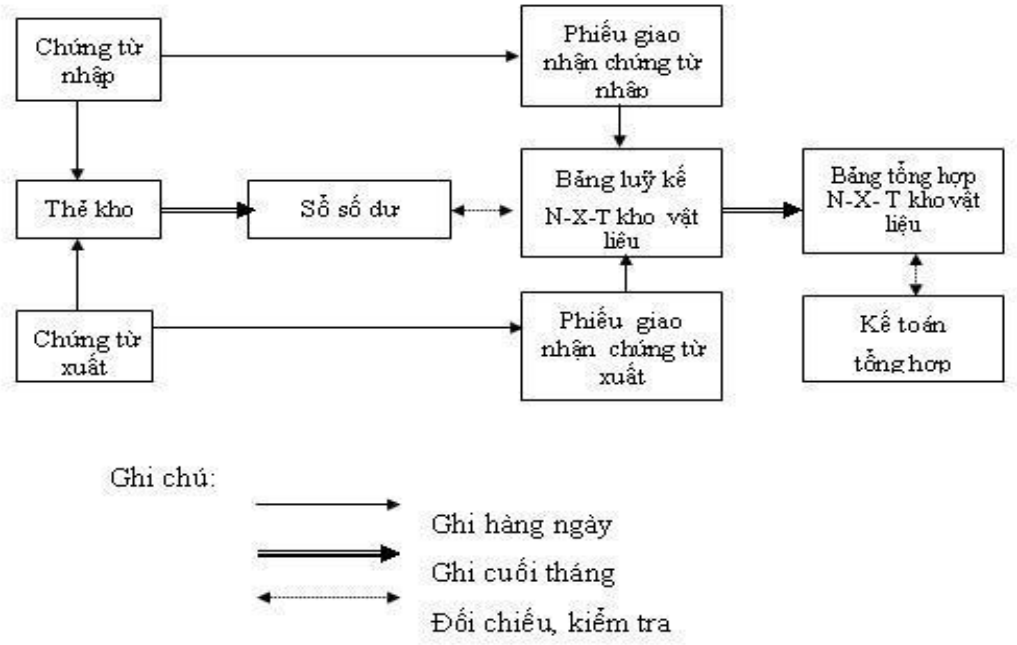


Sơ đồ 1.4 : Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- *Ưu điểm:* Giảm bớt số lần ghi trùng lặp và số lượng ghi chép vào sổ kế toán, tiện lợi trong việc đối chiếu kiểm tra sổ sách, cung cấp thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm vật liệu để kế toán xác định được trọng tâm quản lý đối với những danh điểm vật liệu có độ luân chuyển lớn.
- *Nhược điểm:* Việc ghi sổ vẫn bị trùng lặp giữa phòng kế toán và thủ kho về chỉ tiêu hiện vật, việc đối chiếu kiểm tra cũng tiến hành vào cuối tháng do đó hạn chế tác dụng kiểm tra.
- *Phạm vi áp dụng:* áp dụng cho doanh nghiệp có ít nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí nhân viên kế toán chi tiết vật liệu.

C - Phương pháp sổ số dư.

- Nguyên tắc hạch toán: ở kho theo dõi từng thứ nguyên vật liệu, phòng kế toán chỉ theo dõi từng nhóm NVL.
- Tại kho: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ xong – thủ kho tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất kho phương pháp song song kỳ và phân loại theo từng nhóm nguyên liệu theo quyđịnh.
- Tại phòng kế toán: Khi nhận chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu ở kho kế toán kiểm tra chứng từ và đối chiếu với các chứng từ có liên quan, kiểm tra việc phân loại chứng từ của thủ kho, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho chứngtừ.



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

- *Ưu điểm*: Việc kiểm tra, đối chiếu được tiến hành theo định kỳ, tránh được sự ghi chép, trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép, nâng cao hiệu suất kế toán.
- *Nhược điểm:* Do ở phòng kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tăng giảm của từng thứ vật liệu về mặt số lượng thì kế toán xem lại số liệu trên thẻ kho hơn nữa việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

- Phạm vi áp dụng: Thích hợp với doanh nghiệp có khối lượng các nhiệm vụ nhập, xuất nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại NVL. Với điều kiện các doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm nguyên vật liệu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán vững vàng.

❖ **Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu.**

Hạch toán tổng hợp NVL là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của NVL trên sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành NVL thuộc nhóm hàng tồn kho do đó hạch toán NVL có thể thực hiện theo một trong các phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

Theo phụ lục số 4- Danh mục và mẫu sổ kế toán(Ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức ghi sổ kế toán đó, gồm: các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

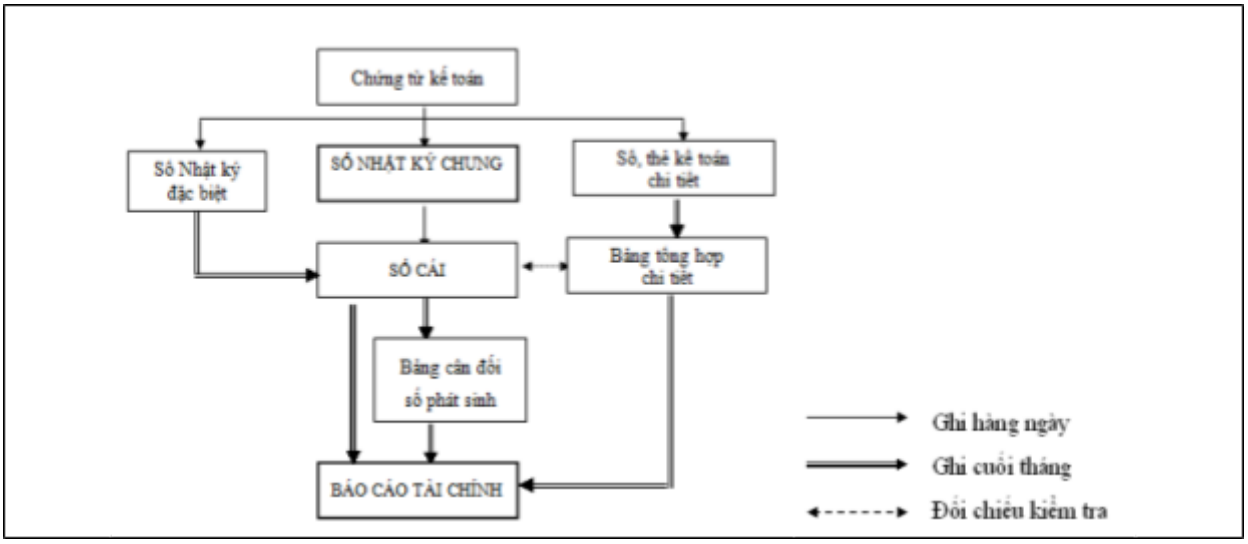
A - Hình thức kế toán Nhật kýchung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định

khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặcbiệt;
- SổCái;
- Các sổ, thẻ kế toán chitiết.



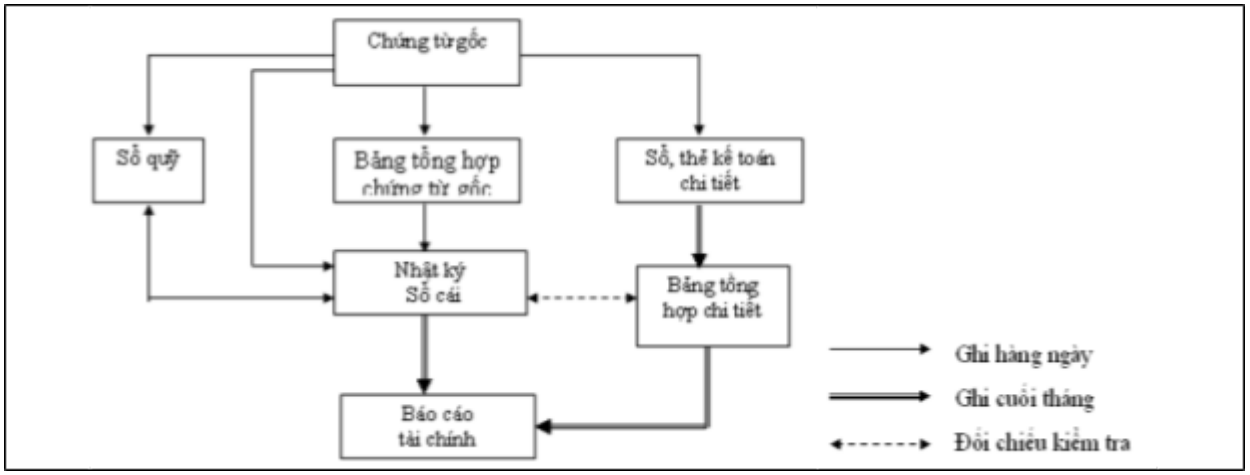
Sơ đồ 1.6 : Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

B - Hình thức kế toán Nhật ký - Sổcái:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.7 : Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

C - Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghisổ".

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghisổ.

+Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

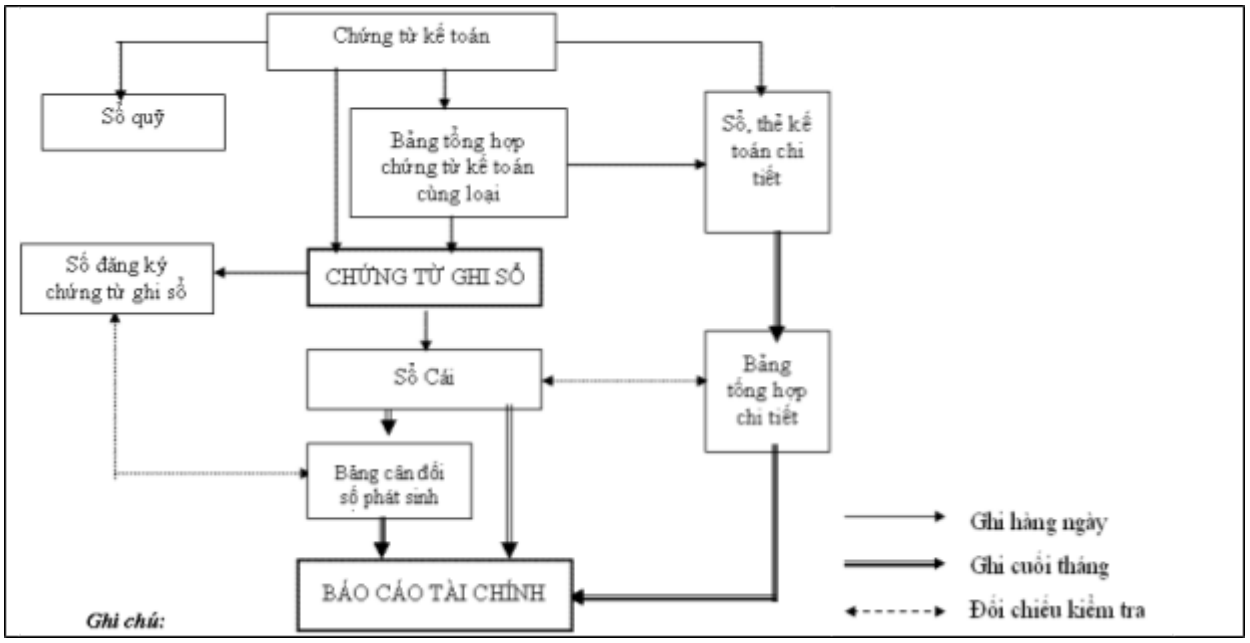
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- SổCái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân conglao động kếtoán.

Nhược điểm: Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp. Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậycung cấp thông tin thườngchậm.



Sơ đồ 1.8: Ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ

D - Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứngNợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghichép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

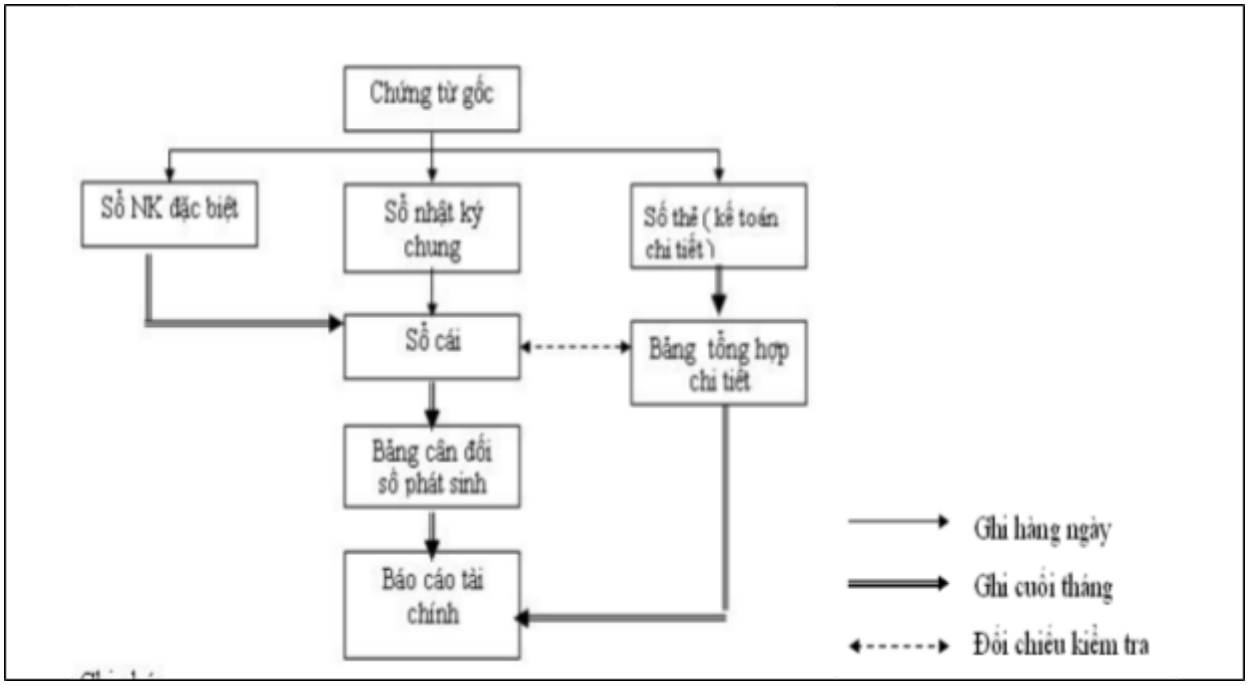
Nhật ký chứngtừ;

Bảngkê;

SổCái;

Sổ hoặc thẻ kế toán chitiết.

- *Điều kiện áp dụng:* Áp dụng cho DN có quy mô lớn. Số lượng kế toán nhiều với trình độ chuyên môncao
- *Ưu điểm:* Giảm nhẹ khối lượng ghi sổ kế toán. Việc kiểm tra đối chiếu được thực hiện thườngxuyên.Cungcấpthôngtinkịpthời
- *Nhược điểm:* Mẫu sổ kế toán phức tạp. Yêu cầu trình độ cao với mỗi kế toán viên. Không thuận tiện cho việc ứng dụng tin học vào ghi sổ kếtoán.



Sơ đồ 1.9: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký – chứng từ.

E - Hình thức kế toánmáy:

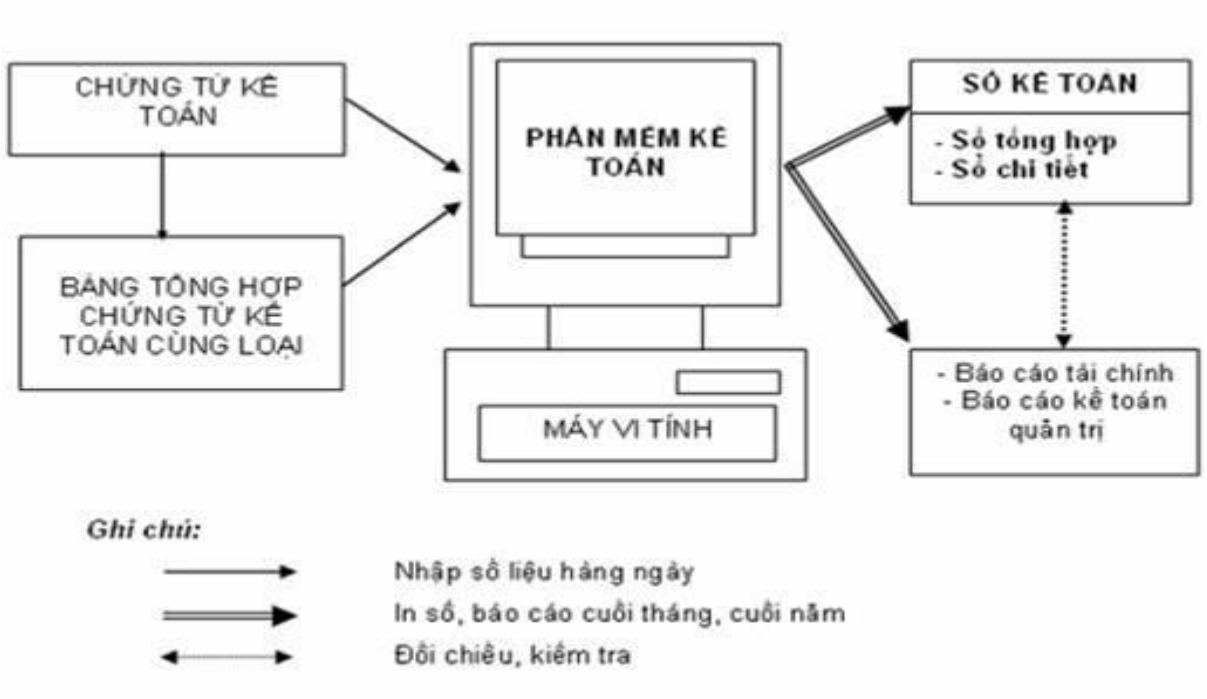
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ hình thức kế toán trên phần mềm kế toán

1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Theo chuẩn mực 02 - Hàng tồn kho ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư số 13/2006/TT-BTC:

Khái niệm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật

tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

- Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá

trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

- Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

- Đối tượng lập dự phòng bao gồm NVL, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư,

hàng

hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho; Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khi lập BCTC, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hoá, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán

này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp NVL có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá

gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ NVL này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá NVL tồn kho đó.

<u>Phương pháp lập dự phòng:</u>

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa	=	Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập BCTC	x	Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán - Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban

hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính:

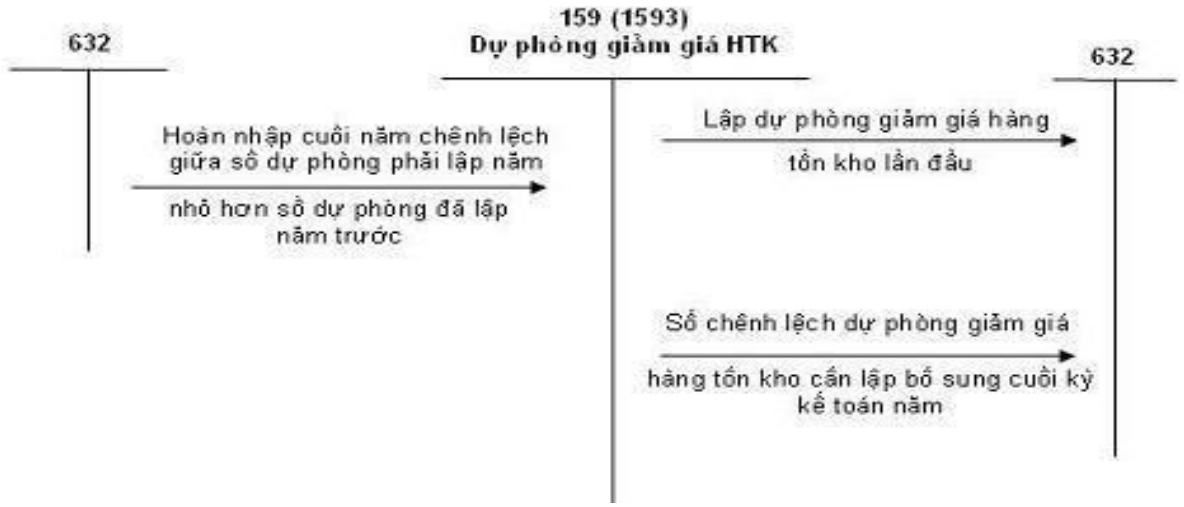
- Doanh nghiệp sử dụng tài khoản 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên có:Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dư bên có: dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có.

- Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Theo thông tư 200/2014/BTC:

- Doanh nghiệp sử dụng tài khoản 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết; Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra; Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có: Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo

tài chính.

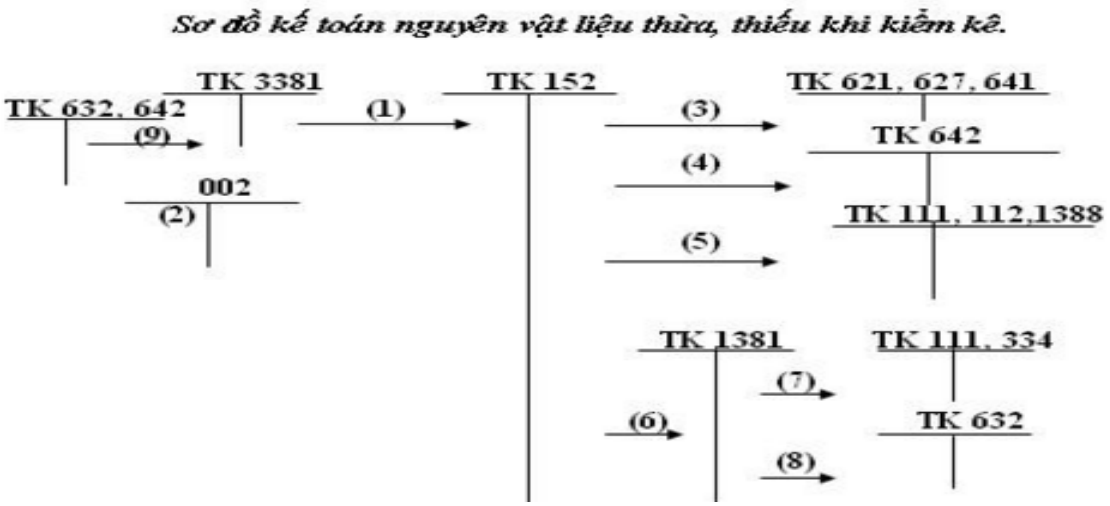
Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ

1.5. Kiểm kê đánh giá Nguyên vật liệu.

❖ **Khái niệm**

- Kiểm kê vật liệu là một biện pháp nhằm bổ sung và kiểm tra hiện trạng vật liệu mà các phương pháp kế toán chưa phản ánh được. Thông qua kiểm kê doanh nghiệp nắm được thực trạng của vật liệu cả về số lượng và chất lượng ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng tiêu cực nhằm quản lý tốt vật liệu.
- Đánh giá lại vật liệu thường được thực hiện trong trường hợp đem vật liệu đi góp vốn liên doanh và trong trường hợp nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả.
- Tuỳ theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp kiểm kê có thể được thực hiện theo phạm vi toàn doanh nghiệp hay từng bộ phận, đơn vị, kiểm kê định kỳ hay kiểm kê bất thường.
- Khi kiểm kê, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê, Hội đồng một ban kiểm kê phải có thành phần đại diện lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo vệ vật liệu, phòng kế toán và đại diện nhân viên của doanh nghiệp. Khi kiểm kê phải thực hiện cân đo, đóng, đếm và phải lập biên bản kiểm kê (mẫu 08- VT) xác định số chênh lệch giữa số liệu thực kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, trình bày ý kiến xử lý chênh lệch.

❖ **Kiêm kê phát hiện thừa, thiếu theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Sơ đồ 1.12: sơ đồ kế toán nguyên vật liệu thừa, thiếu khi kiểm kê

Ghi chú:

(1). Nguyên vật liệu thừa chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý.

(2). Nguyên vật liệu thừa là của đơn vị khác (ghi đơn).

(3). Nguyên vật liệu thiếu do cân, đo, đong, đếm sai.

(4). Nguyên vật liệu thiếu trong định mức.

(5). Nguyên vật liệu thiếu do người phạm lỗi bồi thường.

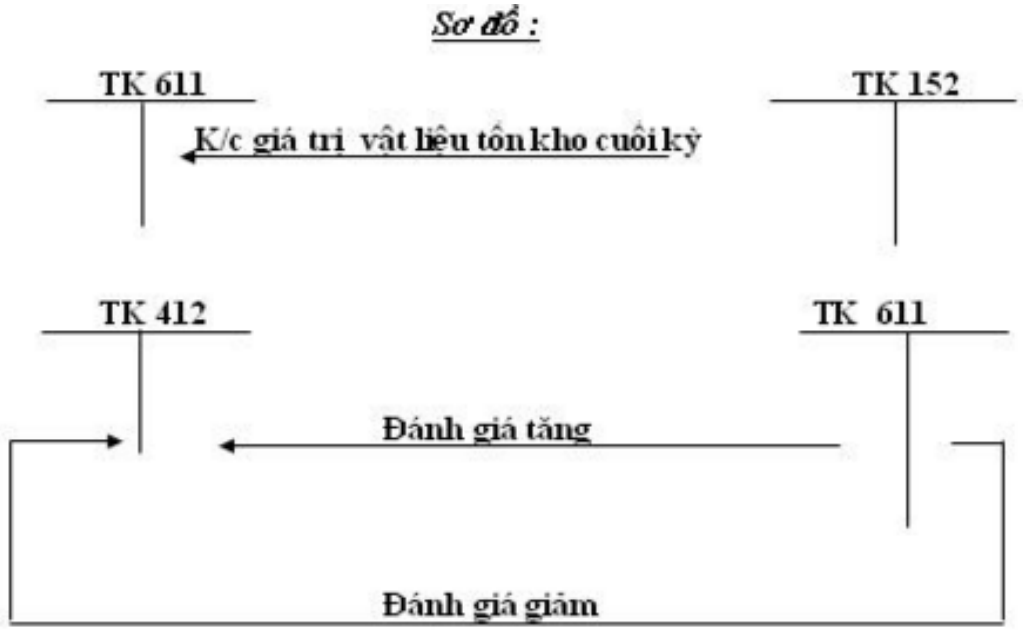
(6). Nguyên vật liệu thiếu chưa rõ nguyên nhân.

(7). Khoản mất mát đã tìm được nguyên nhân cá nhân hoặc tổ chức phải bồi thường.

(8). Các khoản hao hụt, mất mát sau khi trừ đi phần bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra.

(9). Xử lý nguyên vât liệu thừa khi kiểm kê.

- **Kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ Kiểm kê và đánh giá lại NVL theo PP kiểm kê định kỳ

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà*

CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XL & TMTH AN HÀ

I. : Gioi thiệu tổng quát chung về công ty

1.1. Qúa trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

1.1.1. Tên, quy mô, địa chỉ doanh nghiệp

- Tên công ty : Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà.
- Tên tiếng anh : Anha general trading and contruction joint stock company.
- Biểu tượng công ty :

- Vốn điều lệ**: 10.000.000.000** đồng Việt Nam.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 20, ngách 11, ngõ 2, Đường Thanh Lãm, P. Phú Lãm, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Địa chỉ giao dịch: số 244, ngõ 143, đường Nguyễn Chính, phường Phương Liệt, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
- Thông tin lien hệ: 0462.841.830
- Fax: 0462.841.830
- Email: anhaxltm@gmail.com
- Website: Http://anhaxltm.com
- **Mã Số Thuế: 0106025283**
- **Tài khoản Tiền Việt Nam:**

102010001635913 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.

1508201020310 tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh Tam Trinh.

- Người đại diện: Giams đốc Nguyễn Đình Chiến

1.1.2. Sự thành lập và các công trình tiêu biểu.

-- Quy mô công ty: Công ty CP xây lắp và TM tổng hợp An Hà là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo quyết định số 001/QĐ –HĐQT của Chủ tịch hội đồng thành viên sang lập công ty ngày…..tháng….năm ……. Và được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng kí kinh doanh công ty Cổ phần số 0106025283 ngày 31 tháng 10 năm 2012.

- HIện nay: Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực: Cơ khí, xây dựng, giao thông, thủy lợi. Cải tạo sửa chữa, xây mới các công trình dân dụng, công nghiệp trên nhiều tỉnh thành trong cả nước. Cơ cấu công ty với bộ máy quản lí gọn nhẹ, lấy phương châm hiệu quả, trách nhiệm cao lên hàng đầu, cùng bộ máy thi công hiện trường ngày một lớn mạnh, đã đang và sẽ là hướng phát triển nhằm mục đích phát huy tiềm lực vốn có.

- Công trình tiêu biểu:

+ Nhà làm việc liên cơ quan tại 105-107 B Quán Thánh. Địa điểm: 105-107B Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội

+ Khu nhà ở CT36 Tower. Địa điểm: Số 326, Lê trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

+ Nhà thể thao Bộ tư lệnh thông tin liên lạc. Số 01 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

+ Cải tạo khu tiền sảnh S2 Học viện quốc Phòng. . Địa điểm: Số 93 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

+ Nhà trung tâm đào tạo trường Đại học kinh tế quốc dân.Số 207 Đường Giải Phóng, Hà Nội

+ Cơ sở làm việc Công an quận Hai Bà Trưng thuộc Công an Thành Phố Hà Nội. Số 94 Tô Hiến Thành- Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội

+ Trung tâm thương mại vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất Mê Linh Plaza

+….

1.2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cáu tổ chức công ty

1.2.1. Chức năng nhiệm vụ của công ty.

a. Chức năng.

- Công ty CP xây lắp và TM tổng hợp An Hà là Công ty hoạt động về cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt các hệ thống xây dựng như: thang máy, các loại cửa tự động, các hệ thống đèn chiếu sáng;; ……

b. Nhiệm vụ.

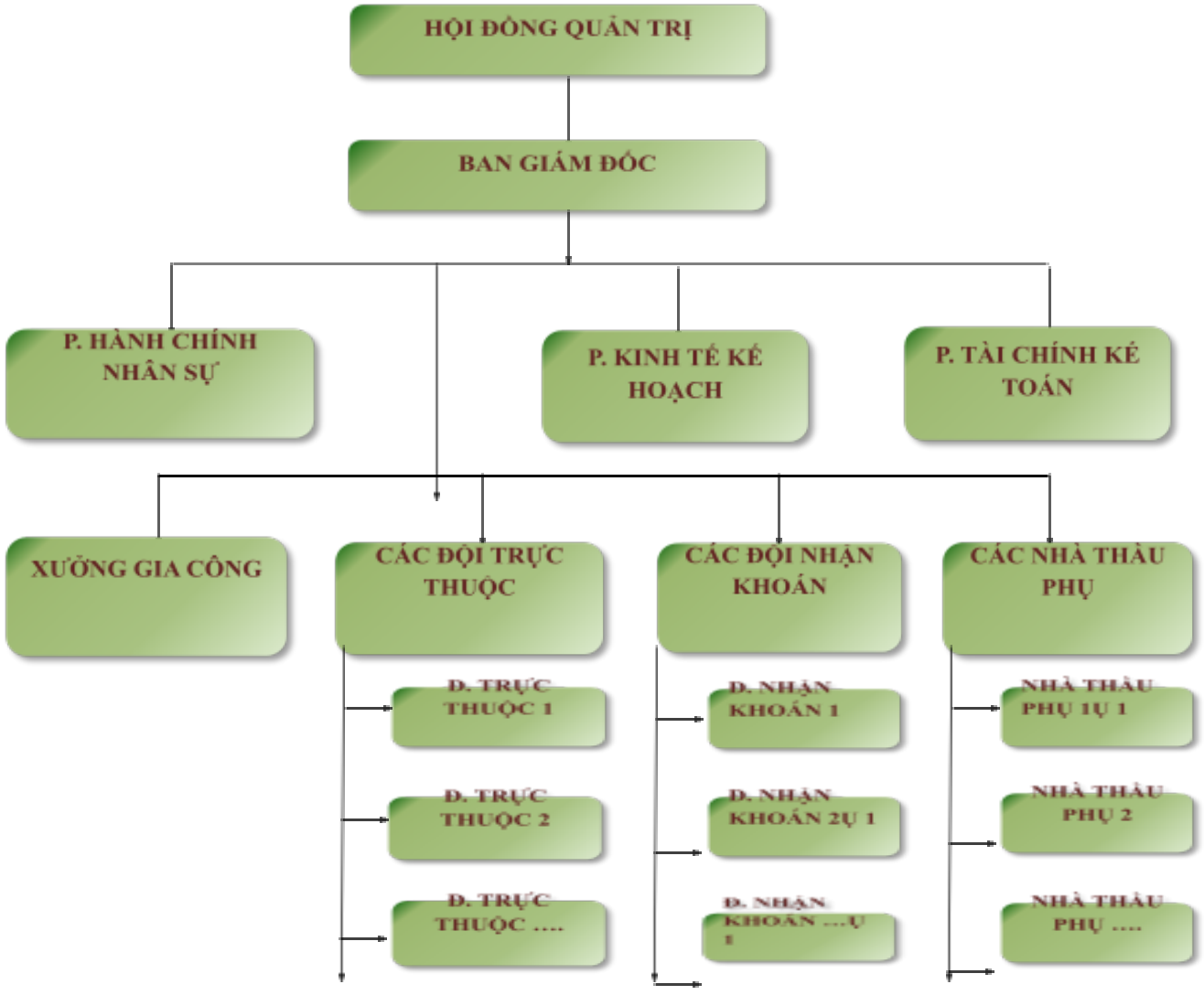
- Xây dựng các công trình.
- Giám sát các công trình xây dựng.

Tư vấn, thiết kế các công trình

1.2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty và chức năng nhiệm vụ cơ bản của các phòng ban chức năng.

- Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật của nhà nước, các luật khác có liên quan và điều lệ của công ty do giám đốc đề ra.
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty theo dạng cơ cấu trực tuyến–đường thẳng

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



Sơ đồ 2.1 Bộ máy tổ chức của công ty
(Nguồn: Phòng Tổ chức – Nhân sự)

- **Hội Đồng Quản Trị**

+ Hội đồng quản trị là tổ chức quản lí cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty.

+ Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- **Giám Đốc:**

+ Là người chịu trách nhiệm các hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Quyết định phương hướng phát triển và mục tiêu hoạt động của công ty.

+ Điều hành các hoạt động của công ty theo phát luật.

+ Là người bố trí nhân lực phù hợp để duy trì hoạt động của công ty ổn định và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

- **Phòng kinh tế kế hoạch**

+ Tham mưu cho giám đốc công tác thiết kế bản vẽ tổ chức thi công

+ Cập nhật công nghệ thi công tiên tiến áp dụng vào công ty, tham gia nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tế để tiết giảm chi phí nâng cao chất lượng công trình.

+ Quản lý chất lượng các công trình hạng mục công trình do công ty đảm nhiệm thi công. Các nhiệm vụ khác do giám đốc giao.

- **Phòng hành chính-nhân sự**

+ Giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân công lao động, vấn đề tiền lương và các chế độ chính sách kỹ luật.

+ Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của công ty.

+ Phối hợp với các bộ phận khác thực hiện quản lý nhân sự.

- **Phòng kế toán**

+ Tổng hợp và ghi chép kịp thời mọi hoạt động kinh tế phát sinhhàng ngày của công ty.

+ Phân tích tình hình tài chính, cung cấp các thông tin tài chính kế toán cần thiết giúp cho Giám đốc có quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

+ Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu chi, kiểm tra chi tiêu các khoản tiền, sử dụng vật tư, công cụ dụng cụ, theo dõi đối chiếu công nợ, triển khai công tác kế toán tài vụ trong toàn công ty.

+ Thực hiện chế độ kế toán, tài chính , lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

- Xưởng gia công

+ Sản xuất cửa, vật liệu xây dựng phục vụ cho hoạt động sản xuất xây lắp của công ty.

- Ban chỉ huy công trình:

+ Chỉ đạo trực tiếp bộ phận thi công về kỹ thuật cũng như các vấn đề về máy móc, thiết bị thi công.

+ Kiểm tra, giám sát tiến độ thi công, chất lượng kỹ thuật, an toàn lao động, bảo hộ lao động của các công trình của công ty.

- Nhân viên công trình, các đội trực thuộc, các đội nhận khhoán, các nhà thầu phụ.

+ Chịu sự giám sát trực tiếp của ban chỉ huy công trình.

+ Trực tiếp thi công đảm bảo tiến độ kế hoạch và an toàn lao động.

1.3. Quy trình sản xuất kinh doanh tại Công ty

- Là công ty mang đặc thù ngành xây dựng cơ bản nên quá trình sản xuất mang tính liên tục đa dạng, kéo dài và phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau.

- Mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, địa điểm thi công khác nhau. Do đó quy trình sản xuất của công ty là quá trình liên tục khép kín từ giai đoạn thiết kế đến hoàn thiện và bàn giao.

- Các giai đoạn tiến hành công trình xây dựng của công ty được tiến hành tuần tự theo các bước:

+ Nhận thầu thông qua đấu thầu hoặc giao thầu trực tiếp.

+ Ký hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.

+ Trên cơ sở hồ sơ thiết kế và hợp đồng kí kết, công ty tổ chức quá trình sản xuất thi công để tạo ra công trình hay hạng mục công trình.

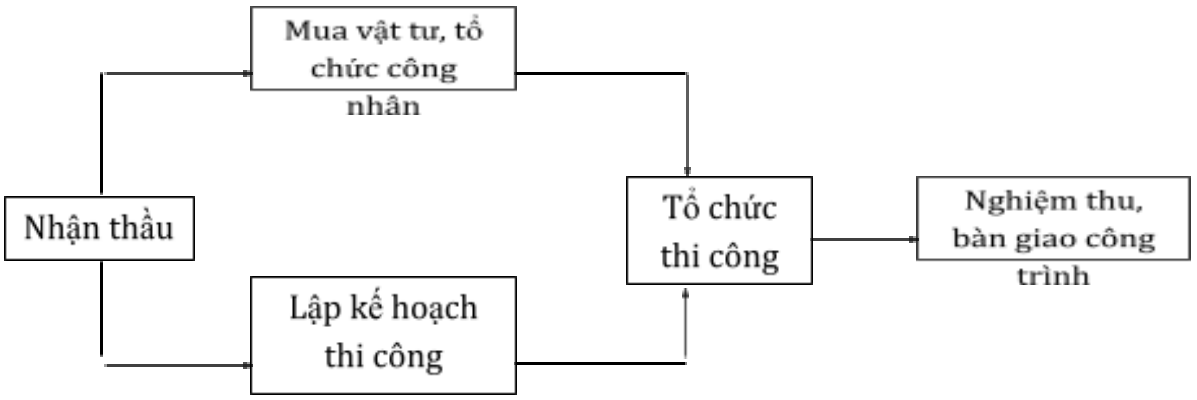
+ Khảo sát địa hình để lấy mặt bằng thi công.

+ Tổ chức lao động, bố trí máy móc, vật tư

+ Xây dựng, lắp ráp, hoàn thiện công trình.

+ Công trình được hoàn thành dưới sự giám sát của tư vấn giám sát, chủ đầu tư công trình về mặt kĩ thuật và tiến độ thi công.

+ Bàn giao công trình và quyết toán hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.



Sơ đồ 2.2 Quy trình công nghệ xây lắp của công ty

1.4. **Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh**

- Hiệu quả về tài chính

- Hiệu quả kinh tế xã hội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 1014	So sánh	
				Tương đối	Tuyệt đối(%)
	(A)	**(1)**	**(2)**		
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,907,148,369	11,933,914,588	(4,026,766,219)	(50.926)
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3	3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**7,907,148,369**	**11,933,914,588**	(4,026,766,219)	(50.926)
4	4. Giá vốn hàng bán	7,043,689,503	11,122,203,167	(4,078,513,664)	(57.903)

5	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**863,458,866**	**811,711,421**	51,747,445	5.993
6	6. Doanh thu hoạt động tài chính	771,178	755,020	16,158	2.095
7	7. Chi phí tài chính	-	3,910,833	(3,910,833)	
8	*Trong đó:* Chi phí lãi vay	-	3,910,833	(3,910,833)	
9	9. Chi phí quản lý DN	848,690,044	778,043,008	70,647,036	8.324
10	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**15,540,000**	**30,512,600**	(14,972,600)	(96.349)
11	11. Thu nhập khác	-	-	-	
12	12. Chi phí khác	-	-	-	
13	**13. Lợi nhuận khác**	**-**	**-**	-	
14	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**15,540,000**	**30,512,600**	(14,972,600)	(96.349)
15	15.Chi phí thuế TNDN	3,108,000	6,102,520	(2,994,520)	(96.349)
16	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**12,432,000**	**24,410,080**	(11,978,080)	(96.349)

=> Qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần XL & TMTH An Hà ta có thể thấy:

- Năm 2018 công ty bị lỗ so với năm 2017.
- Cụ thể, năm 2018 có mức gảm tỷ trọng lợi nhuận thuế TNDN lên tới 96,349% so với năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến kết quả này là do biến động của các chỉ tiêu:

  + Gía vốn hàng bán năm 2018 giảm 57,903% so với năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm giá vốn hàng bán là do khối lượng công việc năm 2018 ít hơn năm 2017 và một phần cũng là vì công ty tính toán được thời điểm đặt nguyên vật liệu hợp lý về mặt giá cả.

+ Chỉ tiêu doanh thu thuần cũng giảm so với năm 2018 với tỷ trọng giảm là 50,926%.

+ Các chi phí liên quan như chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 so với năm 2017 với tỷ trọng như nhau. Nguyên nhân dẫn đến việc các chi phí này như nhau là do các chi phí năm 2018 không tăng và giữ ở mức ổn định như chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

- ⇨ Năm 2018, mặc dù giá vốn hàng bán giảm nhưng việc doanh thu tài chính giảm kết hợp với chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh đều không tăng so với năm 2017 đã làm cho tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp giảm mạnh, tỷ trọng giảm là 96,349% so với năm 2014.
- ⇨ Qua đó cho thấy công ty chưa có chiến lược kinh doanh cũng như khả năng sử dụng nguồn vốn tốt. Ban lãnh đạo công ty cần có sự điều chỉnh hợp lý để khắc phục tình trạng này.

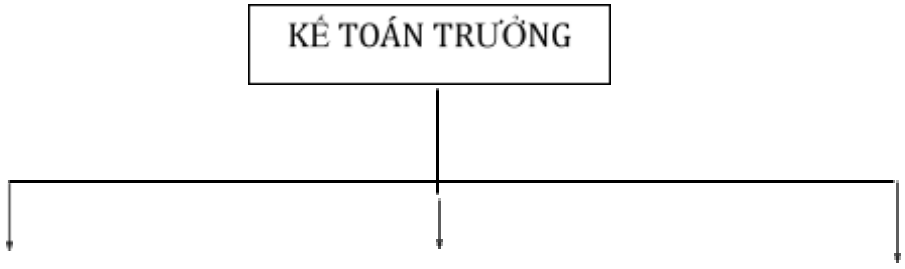
II: Phân tích thực trạng công tác kế toán tại công ty cổ phần XL & TMTH An Hà

2.1. Giới thiệu về bộ máy kế toán.

2.1.1. Bộ máy kế toán của công ty và chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kế toán.

a. Bộ máy kế toán của công ty.

- Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình và để phù hợp với cách quản lý, phòng kế toán đã vận dụng tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung (Hình thức tổ chức kế toán tập trung là hình thức tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp) và được tổ chức như sau:





Sơ đồ 2.3 Bộ máy Kế toán của Công ty

(Nguồn: phòng kế toán công ty)

2.1.2 Nhiệm vụ của phòng kế toán

- Kế toán trưởng:

+ Là người chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám Đốc, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán của công ty: kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ, tổ chức chỉ đạo bảo quản, lưa trữ hồ sơ tài liệu kế toán theo đúng quy định của chế độ hiện hành...

+ Phân tích, tham mưu việc sử dụng vốn nhằm hạn chế các chi phí phát sinh cho Giám Đốc.

+ Kiểm tra sổ sách của kế toán tổng hợp và báo cáo cho Giám Đốc.

+ Là người chịu trách nhiệm chung trước Công ty và trước pháp luật về chuyên môn theo quy định.

- Kế toán tổng hợp:

+ Có nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nghiệp vụ của các kế toán viên.

+ Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các phần hành kế toán còn lại.

+ Tổng hợp số liệu báo cáo của các phần hành kế toán mục đích để ghi sổ sách làm báo cáo tổng hợp cuối kỳ.

- Thủ quỹ

+ Là người nắm giữ ngân sách của công ty.

+ Quản lý việc thực thu, thực chi của công ty, thu-chi khi có xác nhận của cấp trên.

+ Chi lương cho cán bộ công nhân viên.

+ Kiểm tra quỹ mỗi ngày để phù hợp với số liệu trên báo cáo quỹ.

+ Hàng ngày mở sổ ghi chép, theo dõi liên tục theo trình tự kinh tế phát sinh. Cuối tháng lập báo cáo quỹ tiền mặt, đối chiếu kiểm tra thực tế với kế toán tổng hợp.

- **Kế toán vật liệu, TSCĐ và công cụ dụng cụ:**

+ Tập hợp chi phí, trích khấu hao và tính khấu hao TSCĐ.

+ Ghi chép phản ánh tình hình nhập xuất vật liệu, công cụ lao động, xác định số lượng và giá trị vật liệu tiêu hao thực tế

+ Kiểm tra việc chấp hành bảo quản nhập xuất vật tư, phát hiện những vật tư hư hỏng, thừa hoặc thiếu để báo cáo với trưởng phòng có biện pháp xử lý.

+ Ghi chép, theo dõi và phản ánh tổng hợp về số lượng và giá trị tài sản cố định hiện có.

- **Nhân viên kinh tế đội:** Mỗi đội sản xuất có một nhân viên kinh tế kiêm thống kê đội có nhiệm vụ theo dõi các yếu tố đầu vào, đầu ra của đội, thu nhận chứng từ, tập hợp chứng từ định kỳ gửi về phòng kế toán Công ty để hạch toán tập trung.

2.1.3 Đánh giá mức độ phù hợp của bộ máy kế toán với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà

- Việc tổ chức bộ máy kế toán tập trung là phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty.

- Bộ máy kế toán có đội ngũ nhân sự với trình độ chuyên môn cao, đồng đều, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, công việc được phân công phù hợp với năng lực của từng người.

- Tuy bộ máy kế toán của công ty còn đơn giản, nhỏ hẹp nhưng công tác kế toán tại công ty đượcc ghi chép và thực hiện một cách chính xác, tỉ mỉ đúng theo yêu cầu của bộ phận tài chính và qui định của pháp luật.

- Bộ máy kế toán đơn giản cũng có những ưu điểm riêng của nó như: Ban Giám Đốc dễ quản lý; kế toán trưởng nắm rõ, đầy đủ các tình hình hoạt động xảy ra tại công ty; tránh được tình trạng gian lận, biển thủ tại phòng kế toán.

- Chất lượng công tác kế toán cao, đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, kịp thời góp phần quan trọng trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của Công ty, tham mưu cho lãnh đạo những phương pháp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn nữa các nguồn lực của Công ty.

2.2 Các chính sách kế toán Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà đang áp dụng

2.2.1 Các phương pháp kế toán chủ yếu mà Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà áp dụng

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu 01/01, kết thúc vào ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép kế toán: đồng Việt Nam

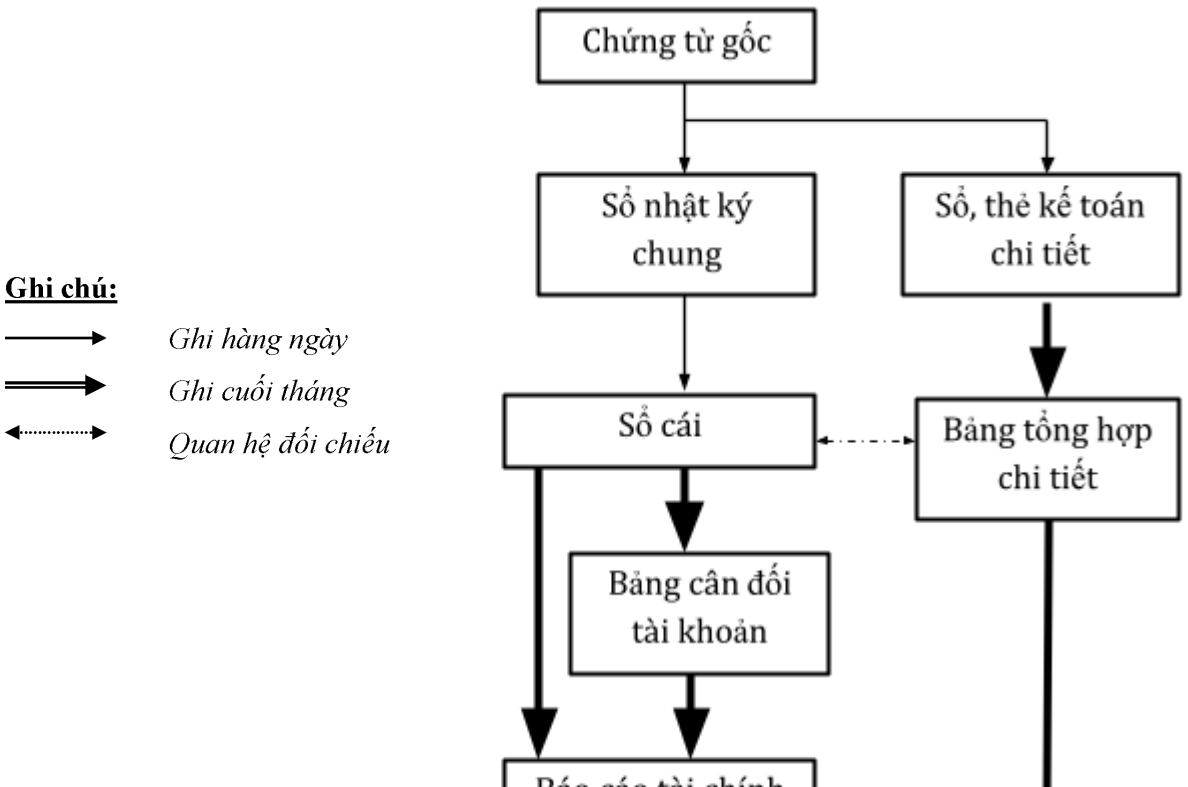
- Chế độ kế toán:Áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư 133/2016/QĐ-BTC ngày 01/01/2017
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung
- Kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá xuất kho: nhập trước xuất trước
- Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc
- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: ghi nhận theo nguyên giá
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: đường thẳng

2.2.2 Mức độ tin học hóa của hệ thống thông tin kế toán

- Là một Công ty có quy mô nhỏ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh không nhiều, Kế toán hoàn toàn có thể kiểm soát một cách đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày cũng như trong kì. Vì vậy, để giảm thiểu chi phí quản lí, tối ưu hóa lợi nhuận, Công ty vẫn sử dụng hình thức ghi sổ nhật kí chung thủ công, chưa ứng dụng các phần mềm kế toán trong việc hỗ trợ xử lí.
- Việc sử dụng phần mềm với tính năng tự động hóa cao sẽ giảm bớt công việc của kế toán dẫn đến việc kế toán phụ thuộc quá nhiều vào phần mềm kế toán mà quên đi một số kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy, việc chưa sử dụng phần mềm kế toán sẽ đòi hỏi bộ phận kế toán của Công ty cần không ngừng học hỏi, bổ sung kiến thức để nắm vững hệ thống tài khoản kế toán và các quy trình cơ bản như quy trình hạch toán vào sổ sách kế toán.

2.2.3 Quy trình hạch toán và hệ thống sổ kế toán của Công ty

2.2.3.1 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán kế toán

- **Hàng ngày**

+ Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- **Cuối tháng, cuối quý, cuối năm**

+ Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản

+ Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2.3.2Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty

- Sổ nhật ký chung: Là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong toàn công ty theo trình tự thời gian.
- Sổ cái các tài khoản: Là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản kế toán tổng hợp. Trên sổ nhật ký chung sử dụng bao nhiêu tài khoản thì kế toán phải lập bấy nhiêu sổ cái tài khoản tổng hợp.
- Các sổ thẻ, kế toán chi tiết khác: Căn cứ vào chứng từ gốc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ta phải mở sổ chi tiết tài khoản.
- Bảng tổng hợp chi tiết: Căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản, cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết.
- Bảng cân đối tài khoản: Căn cứ sổ cái tài khoản tổng hợp, cuối kỳ kế toán lập bảng cân đối tài khoản.

Bảng 2.1 Các biểu mẫu chứng từ Công ty đang áp dụng

Chỉ tiêu	Biểu mẫu
Lao động tiền lương	Bảng chấm công Bảng thanh toán tiền lương Hợp đồng giao khoán .....
Hàng tồn kho	Phiếu nhập kho Phiếu xuất kho

	Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm Bảng kê mua hàng ----------
Tài sản cố định	Biên bản giao nhận TSCĐ Biên bản thanh lý TSCĐ Biên bản đánh giá lại TSCĐ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ ----------
Tiền tệ	Phiếu thu Phiếu chi Giấy đề nghị tạm ứng Bảng kê chi tiền ----------

2.2.4 Đánh giá về mức độ phù hợp và tính đặc thù của hệ thống sổ sách so với các quy định chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó căn cứ vào số liệu của sổ nhật ký sẽ được ghi vào sổ cái từng tài khoản liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Việc Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung cũng có những ưu, nhược điểm sau:

+ Ưu điểm:

● Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

● Tuy số lượng ghi chép nhiều nhưng do sử dụng phần mềm do đó thuận tiện cho công việc phân công kế toán, thích hợp với quy mô của công ty.

- Nhược điểm:khối lượng ghi chép nhiều

2.3 Hạch toán từng phần hành kế toán

- Công tác kế toán tại Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà được chia thành nhiều phần hành kế toán khác nhau, sau đây em xin trình bày hai phần hành kế toán:

+ Kế toán nguyên vật liệu.

+ Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.3.1 Kế toán nguyên vật liệu

2.3.1.1 Nội dung, nhiệm vụ phần hành

- Công ty Cổ phần Công XL & TMTH An Hà là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nguyên vật liệu là một yếu tố đầu vào quan trọng của quá trình sản xuất, thường chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm nên việc thu mua, quản lý và sử dụng được Công ty đặc biệt quan tâm. Với đặc thù sản phẩm của Công ty là các công trình xây dựng dẫn đến nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng không chỉ có giá trị lớn mà còn đa dạng về chủng loại, hình thái vật chất, tính chất nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý.

- **Cách tính giá NVL:** Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kì dự trữ, kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên việc tính giá nguyên vật liệu nhập kho là theo giá gốc (chưa bao gồm thuế GTGT).

- **Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu:**

+ Theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị.

+ Phản ánh chính xác giá trị nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn theo phương pháp tính giá mà kế toán đang áp dụng.

+ Tiến hành kiểm kê thực tế định kỳ hoặc đột xuất nhằm ngăn chặn kịp thời những tiêu cực có thể xảy ra.

+ Lập, lưa trữ hồ sơ chứng từ liên quan đến phần hành kế toán nguyên vật liệu theo quy định và theo yêu cầu quản lý.

2.3.1.2 Chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ

Bảng 2.2 Chứng từ sử dụng

Chứng từ	Biểu mẫu
Phiếu nhập kho	Mẫu số: 01- VT
Phiếu xuất kho	Mẫu số: 02- VT
Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Mẫu số: 03- VT
Biên bản giao nhận, kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số: 08- VT
Hóa đơn GTGT	Mẫu số: 01 – GTGT
Sổ, thẻ chi tiết...	

- Trình tự luân chuyển chứng từ

+ Tại công trường, khi nguyên vật liệu được khách hàng chuyển đến thì nhân viên vật tư sẽ tiến hành kiểm đếm và nhận hàng nhập kho, xác nhận vào biên bản giao nhận, khách hàng có thể giao hóa đơn tại công trường, hoặc gửi trực tiếp về Công ty. Trường hợp hóa đơn giao tại công trường sẽ có biên bản giao nhận hóa đơn, hóa đơn sẽ được nhân viên kinh tế đội tập hợp, cùng với biên bản giao nhận.

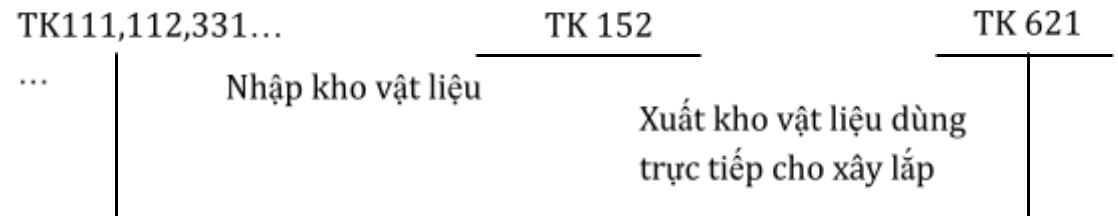
+ Nhân viên kinh tế đội căn cứ vào biên bản giao nhận sẽ lập phiếu nhập kho.

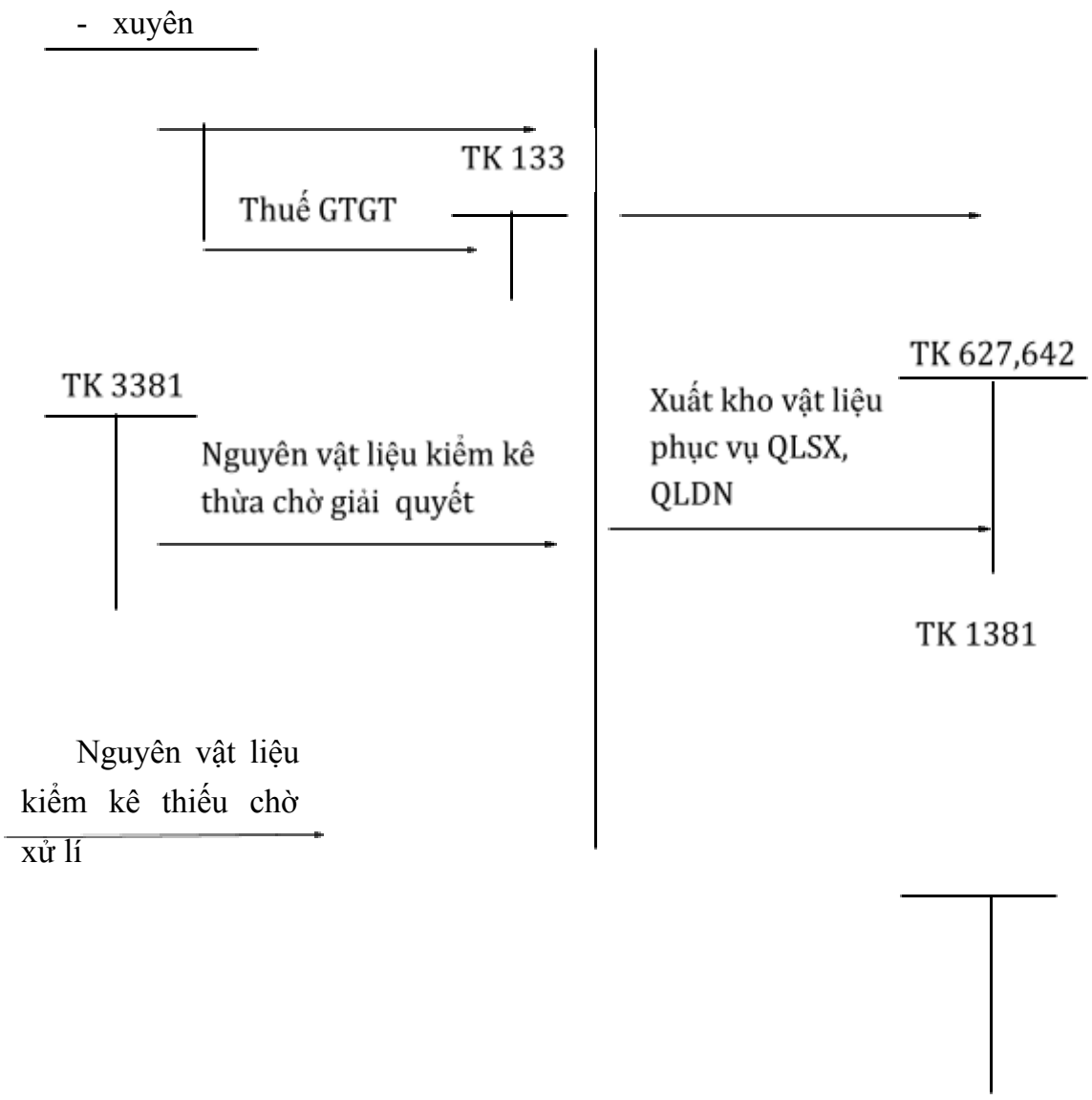
+ Khi đội thi công cần NVL sẽ đề nghị đội trưởng công trình xin cấp vật tư, nhân viên kinh tế sẽ lập phiếu xuất kho và thủ kho sẽ tiến hành cấp vật tư cho đội. Nhân viên kinh tế đội sẽ có trách nhiệm thống kê nhập, xuất, tồn vật tư, tập hợp chứng từ định kỳ chuyển về phòng kế toán để hạch toán.

+ Tại Công ty, kế toán nguyên vật liệu kiểm tra hóa đơn, biên bản giao nhận, phiếu nhập kho, xuất kho, hạch toán tăng giảm NVL, chi phí NVL cho công trình, tổ chức lưu chứng từ kế toán.

2.3.1.3Tài khoản sử dụng và trình tự hạch toán tổng hợp

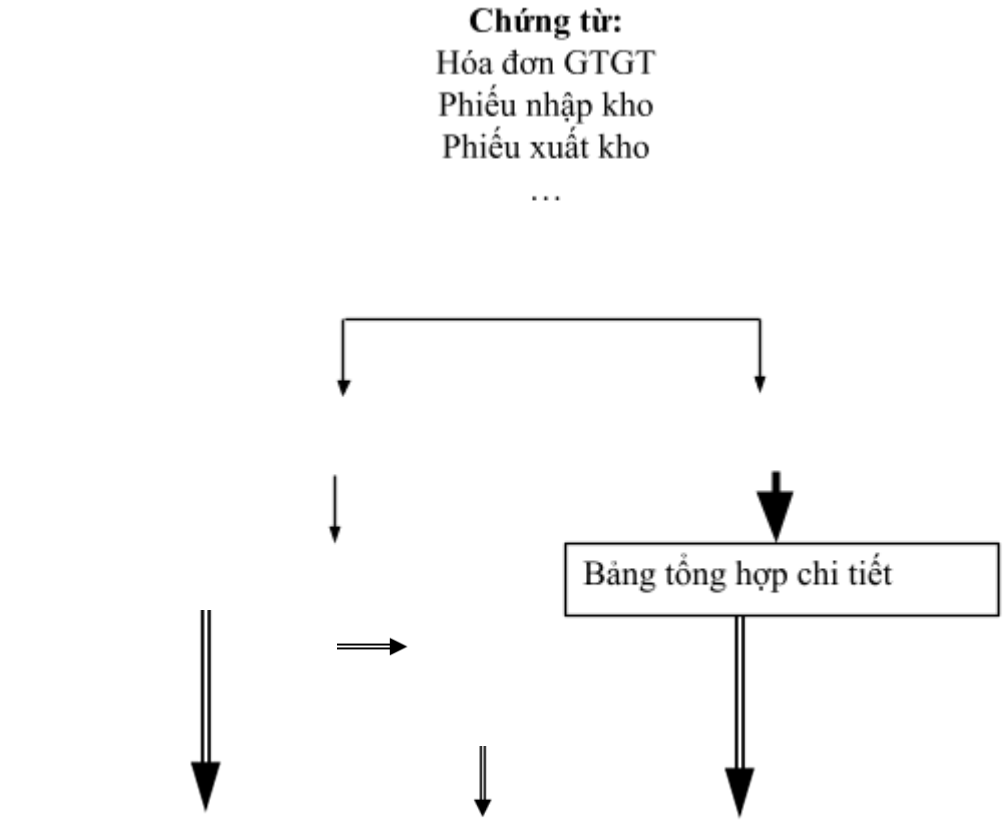
- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu





Sơ đồ 2.5 Trình tự hạch toán tài khoản nguyên vật

2.3.1.4Hệ thống sổ kế toán



Sơ đồ 2.6 Quy trình ghi sổ tài khoản nguyên vật liệu

- Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ về nguyên vật liệu theo trình tự thời gian

- Sổ cái : phản ánh tổng hợp giá trị tồn đầu kỳ, giá trị nguyên vật liệu tăng trong kỳ, giá trị nguyên vật liệu giảm trong kỳ và giá trị nguyên vật liệu tồn cuối kỳ.
- Sổ kế toán chi tiết: kế toán ghi chép chi tiết cho từng nguyên vật liệu.
- Bảng tổng hợp chi tiết: tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu mục đích đối chiếu với sổ cái tổng hợp, bảng cân đối tài khoản phát hiện các sai sót.

2.3.1.5Kết quả phần hành kế toán nguyên vật liệu

Ví dụ 1: Ngày 03 tháng 11 năm 2019 công ty mua Nguyên vật liệu về nhập kho phục vụ cho thi công công trình Đại học Kinh tế quốc dân

- Các chứng từ liên quan bao gồm:
  + Hóa đơn GTGT số 0005236
  + Phiếu nhập kho số NPK5236
- Quy trình luân chuyển chứng từ:
  + Khi nguyên vật liệu được khách hàng chuyển đến, nhân viên vật tư sẽ tiến hành kiểm đếm và nhận hàng nhập kho.
  + Nhân viên kinh tế đội lập phiếu nhập kho căn cứ trên hóa đơn số 0005236 để thủ kho ký nhập kho, và chuyển hóa đơn, chứng từ về phòng kế toán công ty.
  + Kế toán nguyên vật liệu kiểm tra hóa đơn, phiếu nhập kho, hạch toán tăng giảm NVL, tổ chức lưu chứng từ kế toán.

-

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 Mẫu số: 01GTKT3/002

Giao khách hàng

Ngày 09 tháng 06 năm 2019 Ký hiệu: TT/15P

Số: 0005236

Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại và sản xuất Đoàn Minh

Mã số thuế: 0101437773

Địa chỉ: Tổ dân phố Miêu Nha 3, phường Tây Mỗ, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản:

Tên người mua hàng: Đặng Thị Châm

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà

Địa chỉ: số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mã số thuế: 0100102936

Hình thức thanh toán: CK

STT	**Tên hàng hoá dịch vụ**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6 = 4x5**
1	Tôn mát 3 lớp	M2	73500	232.000	170.520.000
Cộng tiền hàng					170.520.000
Thuế suất 10% Tiền thuế GTGT:					17.052.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					**187.572.000**
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng chẵn					

Người mua **Người bán** **Kế toán** **Thủ trưởng**

(Ký, ghi rõ *(Ký, ghi rõ họ*

(Ký, đóng dấu,

(Ký, ghi rõ

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 09 tháng 06 năm 2019 Nợ TK 152
Số PNK3289 Có TK 331

Tên người giao hàng: Lê Thanh Phong
Địa chỉ: Bộ phận bán hàng
Lý do nhập kho: Nhập hàng hóa theo hóa đơn số 0005236
Nhập tại kho: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tôn mát 3 lớp	M2	73500	232.000	170.520.000

	Tổng cộng				170.520.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm tám mươi bẩy năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo:Hóa đơn GTGT số 0005236

Người lập phiếu	**Người giao hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký,đóng dấu)*

Ví dụ 2: Ngày 20 tháng 06 năm 2019, công ty xuất Nguyên vật liệu trong kho phục vụ cho việc thi công lán trại công trình cơ sở 2 Bệnh Viện Bạch Mai 146

- Các chứng từ liên quan có:
  + Giấy đề nghị cấp vật tư
  + Phiếu xuất kho số PXK17
- Quy trình luân chuyển chứng từ:
  + Đội trưởng đội thi công công trình viết giấy đề nghị cấp vật tư
  + Nhân viên kinh tế đội sẽ lập phiếu xuất kho và thủ kho sẽ tiến hành cấp vật tư cho đội. Nhân viên kinh tế đội sẽ có trách nhiệm thống kê nhập, xuất, tồn vật tư, tập hợp chứng từ định kỳ chuyển về phòng kế toán để hạch toán.
  + Kế toán nguyên vật liệu kiểm tra phiếu xuất kho, hạch toán tăng giảm NVL, chi phí NVL cho công trình, tổ chức lưu chứng từ kế toán

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Họ và tên: Đinh Văn Hưng
Bộ phận công tác: Đội thi công
Lý do: Thi công lán trại công trình cơ sở 2 Bệnh Viện Bạch Mai 146

STT	Tên hàng	ĐVT	SL yêu cầu	Ghi chú
1	Tôn mát 3 lớp	M2	483.000	
2	Thép tấm các loại	kg	2.287.670	
3	Vít 2.5	kg	51.000	
4	Băng keo	cuộn	60.000	
5	Oxy	Chai	6.000	

Kính mong lãnh đạo xem xét và duyệt.

Ngày 20 tháng 06 năm 2019

Người đề nghị	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*

Mẫu số: 02-VT

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 Nợ TK 632
Số: PXK4432 Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Đinh Văn Hưng
Địa chỉ (bộ phận): Đội thi công
Lý do xuất: xuất cho thi công công trình
Xuất tại kho: công ty

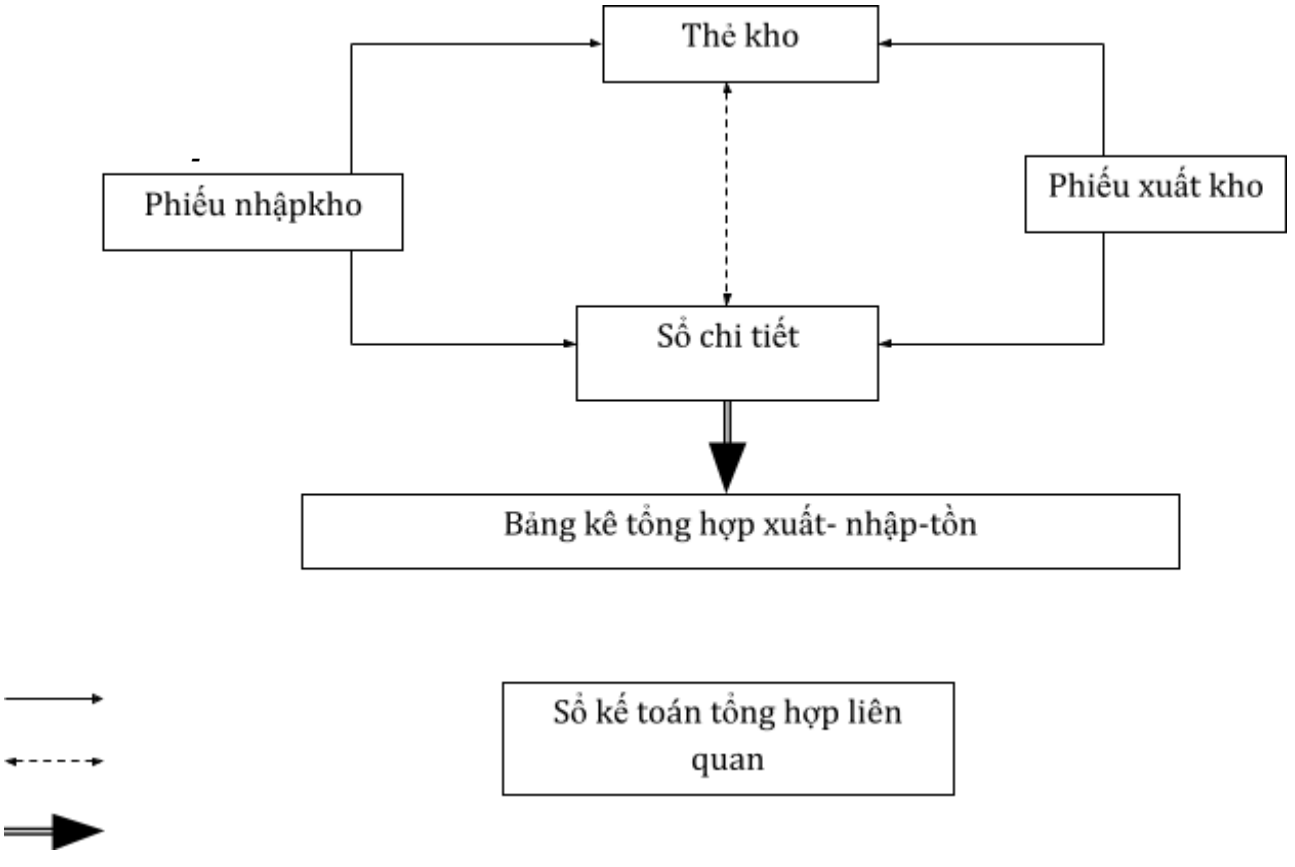
Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tôn mát 3 lớp		483.000	**232.000**	
2	Thép tấm các loại		2.287.670	**10.999,4173**	
3	Vít 2.5		51.000	**38.090.**	
4	Băng keo		60.000	**25.636**	
5	Oxy		6.000	100.000	

TỔNG CỘNG				**141.299.787**	

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ ên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu***)**

- Công ty tiến hành kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.
- Hàng ngày, thủ kho sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình tăng giảm do nhập xuất, tồn của từng loại nguyên vật liệu theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi trên một thẻ kho.
- Khi nhận được các chứng từ về nhập, xuất nguyên vật liệu, thủ kho kiểm tra tính hợp lí, hợp pháp của những chứng từ đó sau đó tiến hành ghi vào thẻ kho về số lượng.
- Đồng thời, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lí, hợp lệ của chứng từ rồi ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị.



Ghi hàng ngày

Đối chiếu

Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.7 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà

Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S12 -DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: Tháng 6 năm 2015

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Tôn mát 3 lớp

Đơn vị tính: m2

	Chứng từ		Diễn	N	Số lượng			K
	S	N			N	X	T	
			Tồn đầu				2	

	P	0	Mua	0	7		7	
	P	2	Xuất	2		4	2	
			Cộng		7	4		
			Tồn				2	

Kế toán trưởng	Thủ kho	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Đóng dấu, kí và ghi rõ họ tên)*

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 06 năm 2019

Tài khoản: 152

Chứng từ	Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
	Tồn đầu kì						0	0
28/06/2015	Nhập kho NVL	232.000	735.000	170.520.000				
30/06/2015	Xuất kho NVL	232.000			483.000	112.056.000		
Cộng tháng			**735.000**	**170.520.000**	**483.000**	**112.056.000**	**252.000**	**58.464.000**

Tên, quy cách nguyên vật liệu: Tôn mát 3 lớp

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Đóng dấu, ký, ghi rõ họ tên)*

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S11-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO VẬT TƯ

Trong tháng 06 năm 2019

Tại Kho Công Ty

STT	Tên vật tư	Đvt	Tồn đầu kì		Nhập trong kì		Xuất trong kì		Tồn cuối kì	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Tôn mát 3 lớp	M2	0		735.000	170.520.000	483.000	112.056.000	252.000	58.464.000
2	Thép tấm các loại	kg	0				2.287.670	25.163.073		
3	Vít 2.5	kg	0				51.000	1.942.590		
4	Băng keo	cuộn	0				60.000	1.538.160		
5	Oxy	chai	0				6.000	600.000		
	Cộng		**0**	**0**	**735.000**	**170.520.000**	**2.887.670**	**141.299.823**	**251.000**	**58.464.000**

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Đóng dấu, ký tên)*

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho nguyên vật liệu, kế toán ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên qua đến nguyên vật liệu vào sổ Nhật kí chung từ đó lên Sổ cái tài khoản liên quan

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày th ng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
	….	…	…	…	…	…	…	…
09/06/2015	0005236	09/06/2015	Mua nguyên vật liệu về nhập kho	x		152	170.520.000	
				x		133	17.052.000	
				x		331		187.572.000
20/06/2015	PXK0000017	20/06/2015	Xuất kho vật liệu cho sản xuất	x		632	112.056.000	
				x		152		112.056.000
			Tổng cộng	x	x	x	**37 842 052 455**	**37 842 052 455**

Người lập **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Tài khoản 152 - Nguyên liệu vật liệu

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu Tkđư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kì				**2 161 228 695**	
…	….	…	…	…	…	…	…	…
09/06/2015	0005236	09/06/2015	Mua nguyên vật liệu nhập kho			331	187.572.000	
20/06/2015	PXK00017	20/06/2015	Xuất kho nguyên vật liệu dùng cho sản xuất			632		112.056.000
			Cộng số phát sinh				**3 324 207 829**	**2 455 809 615**
			Số dư cuối tháng				**3 029 626 909**	

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

2.3.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- Nội dung, nhiệm vụ:

+ Công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sả là những chỉ tiêu quan trọng được các nhà doanh nghiệp quan tâm vì chúng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Tính đúng, tính đủ chi phí và giá thành sản phẩm là tiền đề để tiến hành hạch toán kinh doanh, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, cung cấp số liệu để các nhà lãnh đạo doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng loại hoạt động cũng như toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đề ra các quyết định phù hợp cho sự phát triển sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản trị doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác hạch toán kinh tế nội bộ doanh nghiệp.

2.3.2.1Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.3.2.1.1 Chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ

- Chứng từ kế toán chi phí nguyên vật liệu gồm:phiếu xuất kho, phiếu xin cấp vật tư, hóa đơn, ...

- Trình tự luân chuyển chứng từ:

+ Tại mỗi công trường thường bố trí một nhân viên vật tư (thủ kho), khi NVL được khách hàng chuyển đến thì nhân viên vật tư sẽ tiến hành kiểm đếm và nhận hàng nhập kho, xác nhận vào biên bản giao nhận, khách hàng có thể giao hóa đơn tại công trường, hoặc gửi trực tiếp về Công ty. Trường hợp hóa đơn giao tại công trường sẽ có biên bản giao nhận hóa đơn, hóa đơn sẽ được nhân viên kinh tế đội tập hợp, cùng với biên bản giao nhận.

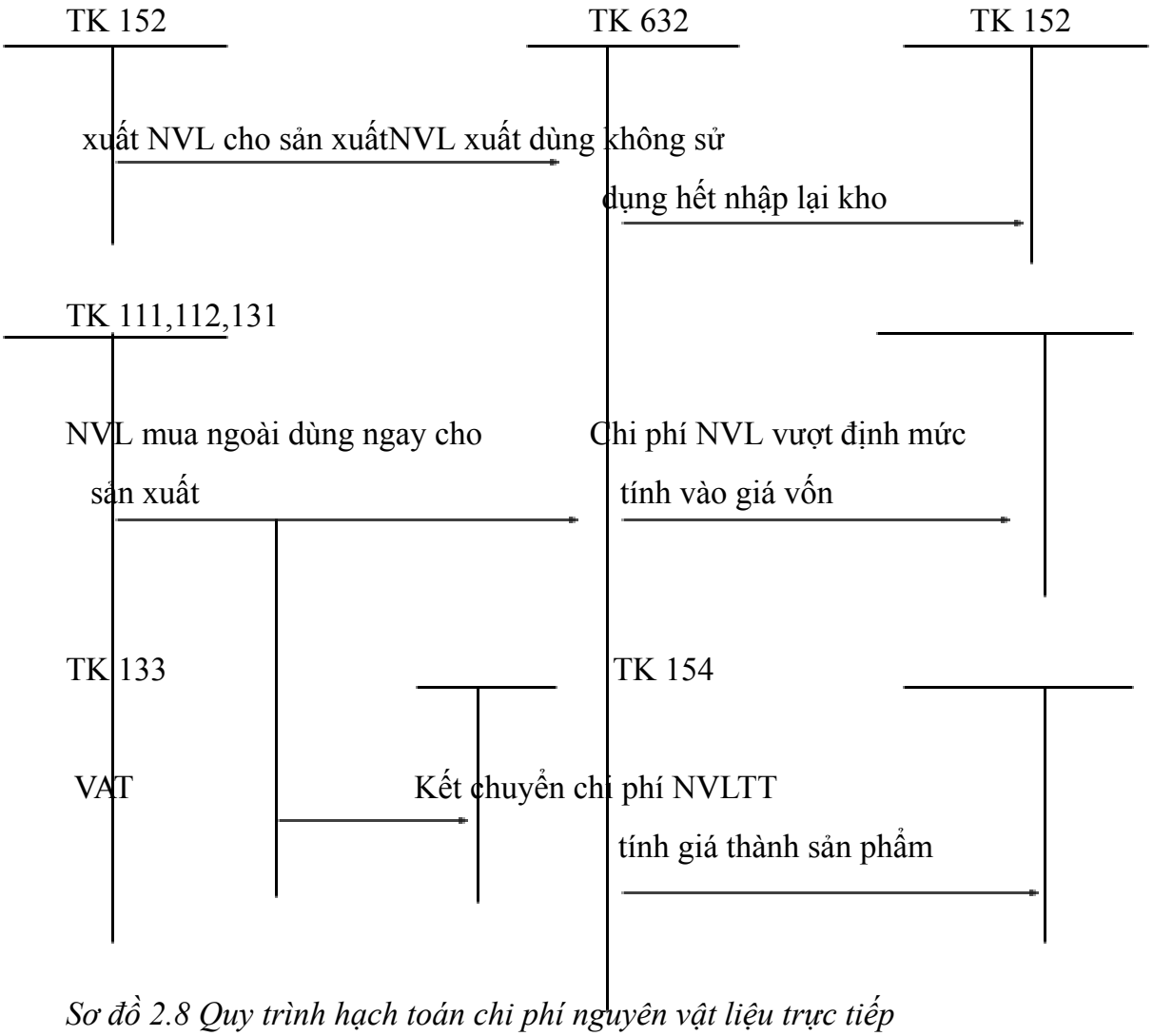
+ Nhân viên kinh tế đội căn cứ vào biên bản giao nhận sẽ lập phiếu nhập kho để thủ kho ký nhập kho, đội trưởng đội thi công ký duyệt.

+ Khi đội thi công cần NVL sẽ đề nghị đội trưởng công trình xin cấp vật tư, nhân viên kinh tế sẽ lập phiếu xuất kho và thủ kho sẽ tiến hành cấp vật tư cho đội. Nhân viên kinh tế đội sẽ có trách nhiệm thống kê nhập, xuất, tồn vật tư, tập hợp chứng từ định kỳ chuyển về phòng kế toán để hạch toán.

+ Tại Công ty, kế toán nguyên vật liệu kiểm tra hóa đơn, biên bản giao nhận, phiếu nhập kho, xuất kho, hạch toán tăng giảm NVL, chi phí NVL cho công trình, tổ chức lưu chứng từ kế toán.

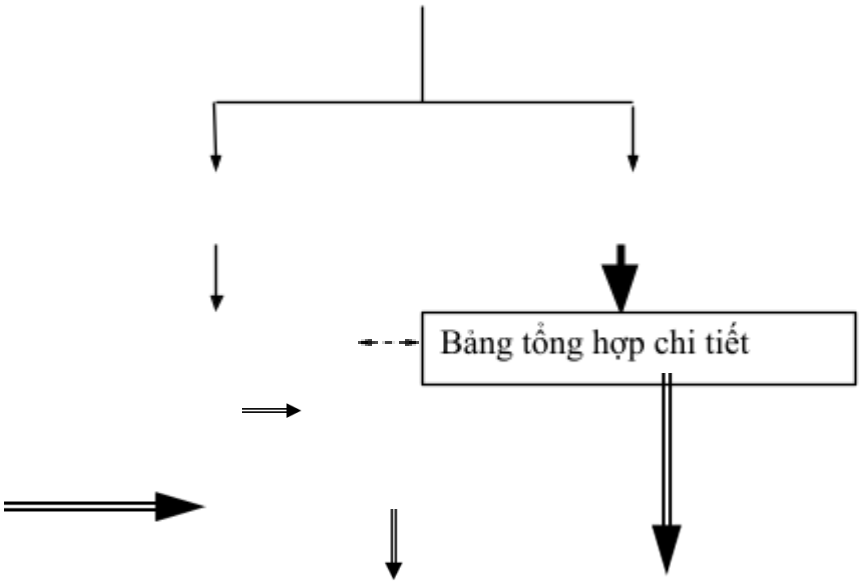
2.3.2.1.2 Tài khoản sử dụng và trình tự kế toán tổng hợp

- Tài khoản sử dụng: TK 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



Sơ đồ 2.8 Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.3.2.1.3 Hệ thống sổ kế toán



Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 621

Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Bảng cân đối tài khoản

Báo cáo tài chính

Chứng từ:

Phiếu xuất kho

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.9 Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo trình tự thời gian

- Sổ cái: phản ánh tổng hợp chi phí nguyên vật liệu đầu kỳ, chi phí nguyên vật liệu tăng trong kỳ, chi phí nguyên vật liệu giảm trong kỳ và chi phí nguyên vật liệu cuối kỳ.

- Sổ kế toán chi tiết: kế toán ghi chép chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng công trình

- Bảng tổng hợp chi tiết: tổng hợp chi tiết các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, đối chiếu với sổ cái, bảng cân đối tài khoản phát hiện các sai sót.

2.3.2.1.4 Kết quả phần hành kế toán chi phí nguyên vật liệu

Ví dụ 3: Ngày 20 tháng 06 năm 2015, công ty xuất Nguyên vật liệu trong kho phục vụ cho việc thi công lán trại công trình cơ sở 2 Bệnh Viện Bạch Mai 146

Các chứng từ liên quan có:

+ Giấy đề nghị cấp vật tư
+ Phiếu xuất kho số PXK

- Quy trình luân chuyển chứng từ:

+ Tại công trường:

● Đội trưởng đội thi công công trình viết giấy đề nghị cấp vật tư

● Nhân viên kinh tế đội sẽ lập phiếu xuất kho và thủ kho sẽ tiến hành cấp vật tư cho đội. Nhân viên kinh tế đội sẽ có trách nhiệm thống kê nhập, xuất, tồn vật tư, tập hợp chứng từ định kỳ chuyển về phòng kế toán để hạch toán.

+ Tại Công ty

● Kế toán nguyên vật liệu kiểm tra phiếu xuất kho, hạch toán tăng giảm NVL, chi phí NVL cho công trình, tổ chức lưu chứng từ kế toán

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Họ và tên: Đinh Văn Hưng

Bộ phận công tác: Đội thi công

Lý do: Thi công lán trại công trình cơ sở 2 Bệnh Viện Bạch Mai 146

STT	Tên hàng	ĐVT	SL yêu cầu	Ghi chú

1	Tôn mát 3 lớp	M2	483.000	
2	Thép tấm các loại	kg	2.287.670	
3	Vít 2.5	kg	51.000	
4	Băng keo	cuộn	60.000	
5	Oxy	Chai	6.000	

Kính mong lãnh đạo xem xét và duyệt.

Ngày 20 tháng 06 năm 2019

Người đề nghị	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*

Mẫu số: 02-VT

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 06 năm 2019 Nợ TK 632

Số: PXK17 Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Đinh Văn Hưng

Địa chỉ (bộ phận): Đội thi công

Lý do xuất: xuất cho thi công công trình

Xuất tại kho: công ty

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tôn mát 3 lớp		483.000	**232.000**	
2	Thép tấm các loại		2.287.670	**10.999,4173**	
3	Vít 2.5		51.000	**38.090.**	
4	Băng keo		60.000	**25.636**	
5	Oxy		6.000	100.000	

TỔNG CỘNG				**141.299.787**	

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ ên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu***)**

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày th ng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
	….	…	…	…	…	…	…	…
09/06/2019	0005236	09/06/2019	Mua nguyên vật liệu về nhập kho	x		152	170.520.000	
				x		133	17.052.000	
				x		331		187.572.000
20/06/2019	PXK0000017	20/06/2019	Xuất kho vật liệu cho sản xuất	x		632	112.056.000	
				x		152		112.056.000
			Tổng cộng	x	x	x	**37 842 052 455**	**37 842 052 455**

Người lập **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

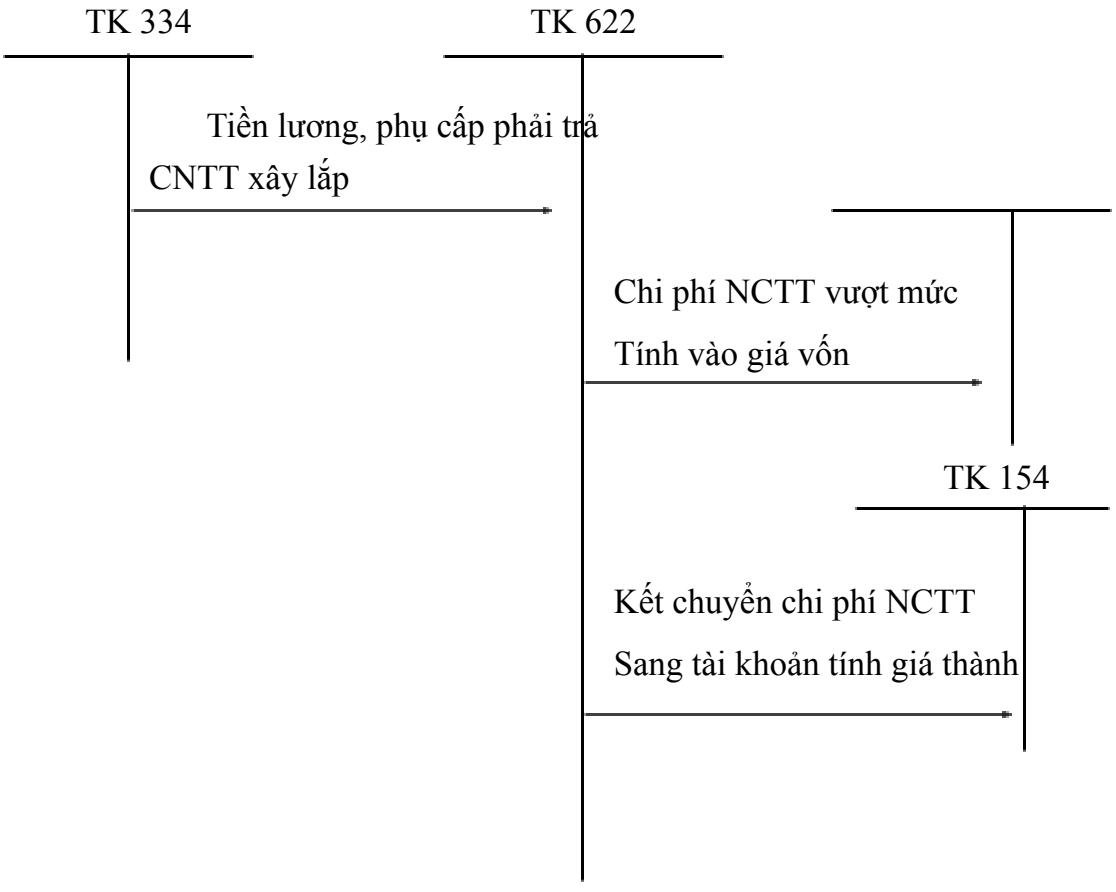
2.3.2.2 Kế toán chí phí nhân công trực tiếp

2.3.2.2.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

- Chứng từ kế toán chi phí nhân công trực tiếp gồm: bảng chấm công, bảng thanh toán lương cho công nhân trực tiếp sản xuất, ...
- Trình tự luân chuyển chứng từ:Trong quá trình thi công, tổ trưởng tự chấm công cho các thành viên trong tổ của mình vào mẫu bảng chấm công theo quy định để làm căn cứ cho kế toán lập bảng thanh toán lương.

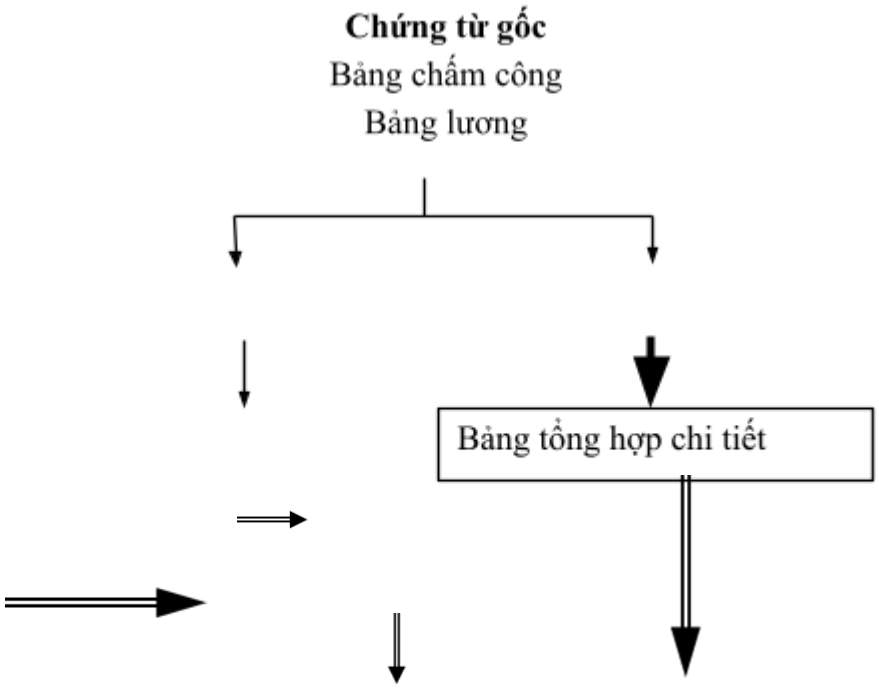
2.3.2.2.2 Tài khoản sử dụng và trình tự hạch toán

- Tài khoản sử dụng: TK 622 – chi phí nhân công trực tiếp



Sơ đồ 2.10 Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

2.3.2.2.3 Hệ thống sổ kế toán



Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 622

Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Bảng cân đối tài khoản

Báo cáo tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.11 Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí nhân công trực tiếp

- Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ về chi phí nhân công trực tiếp theo trình tự thời gian
- Sổ cái tổng hợp: phản ánh tổng hợp tình hình phát sinh chi phí nhân công trực tiếp
- Sổ kế toán chi tiết: kế toán ghi chép chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình.
- Bảng tổng hợp chi tiết: tổng hợp chi tiết các công trình mục đích đối chiếu với sổ cái tổng hợp, bảng cân đối tài khoản phát hiện các sai sót.

2.3.2.2.4 Kết quả phần hành chi phí nhân công trực tiếp

- Ví dụ 4: Tháng 6/2019, tổ trưởng đội thi công số 3 lập bảng chấm công các thành viên trong đội thi công công trình lán trại Bệnh viện Bạch Mai ((Là công nhân thuê theo thời vụ, không đóng bảo hiểm)

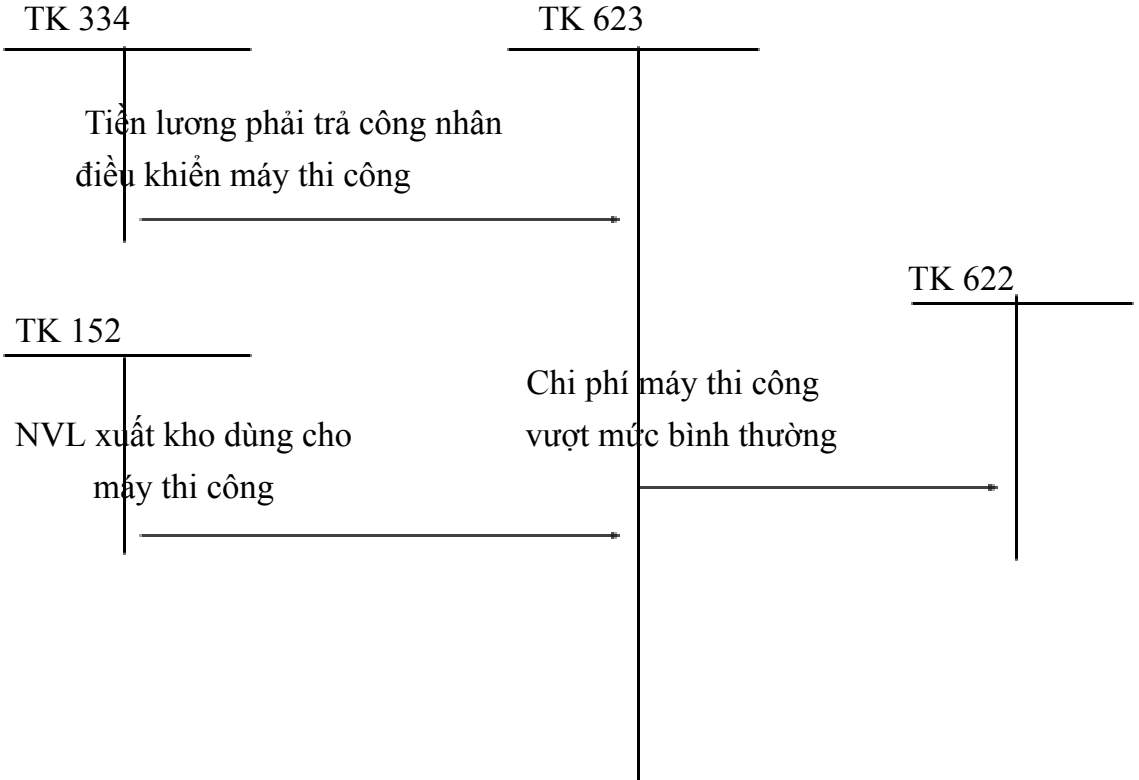
2.3.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

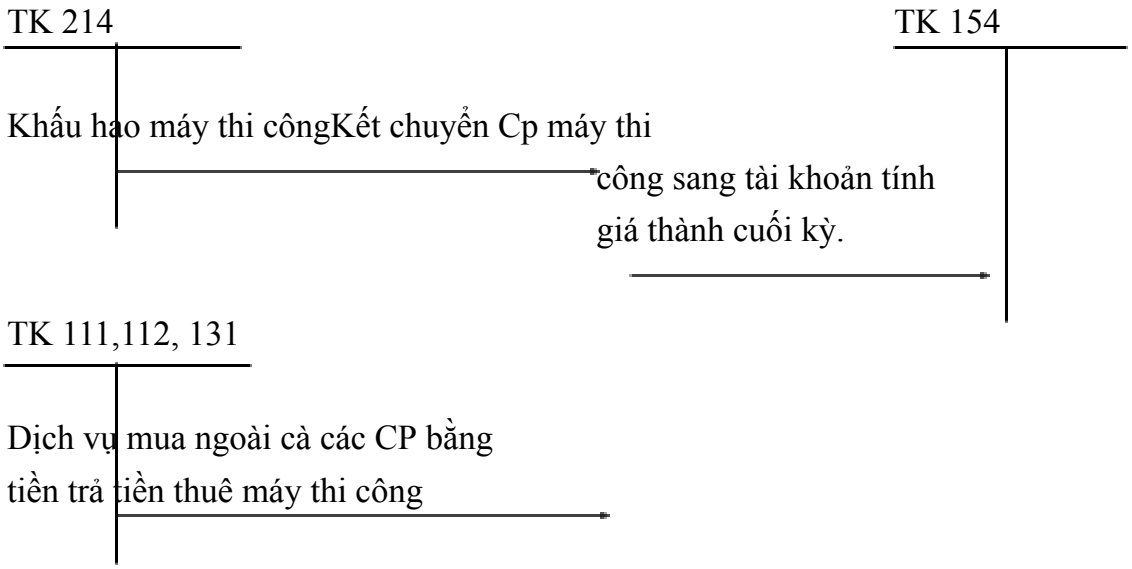
2.3.2.3.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

- Chứng từ từ hạch toán gồm**:** bảng thanh toán lương và phụ cấp, phiếu xuất kho, bảng trích khấu hao máy thi công, ...
- Trình tự luân chuyển chứng từ**:** chi phí máy thi công chủ yếu phát sinh tại công trường nên chứng từ được nhân viên kinh tế đội tập hợp chuyển về phòng kế toán để hạch toán, tại phòng kế toán, kế toán sẽ kiểm tra chứng từ, hạch toán ghi sổ, lưu chứng từ theo công trình.

2.3.2.3.2 Tài khoản sử dụng và trình tự hạch toán

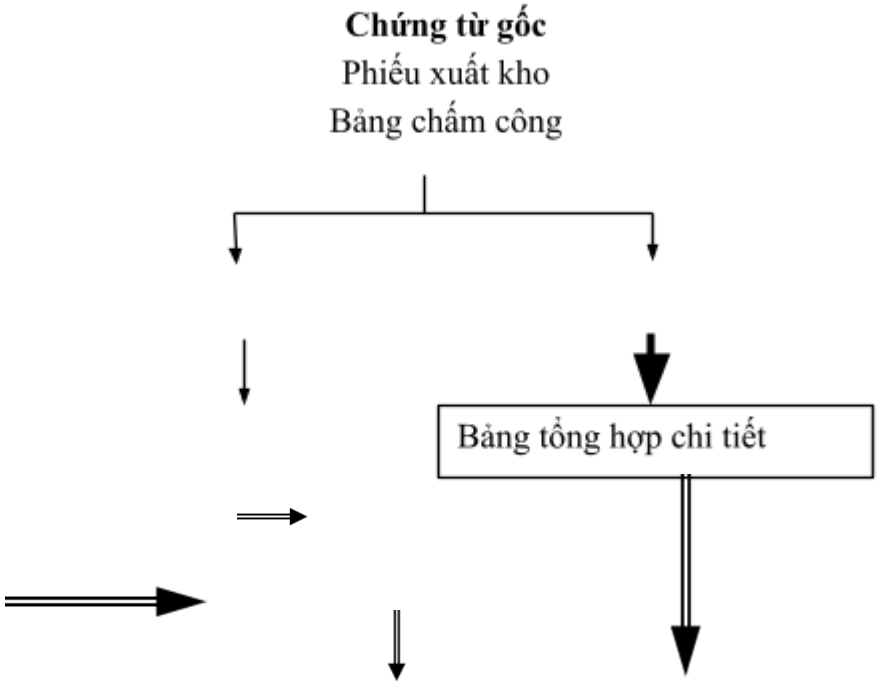
- Tài khoản sử dụng: TK 623 – chi phí sử dụng máy thi công





Sơ đồ 2.12 Trình tự hạch toán tài khoản Chi phí sử dụng máy thi công

2.3.2.3.3 Hệ thống sổ



Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 623

Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Bảng cân đối tài khoản

Báo cáo tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.13 Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí máy thi công

- Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ về chi phí máy thi công theo trình tự thời gian
- Sổ cái tổng hợp: phản ánh tổng hợp tình hình phát sinh chi chí máy thi công
- Sổ kế toán chi tiết: kế toán ghi chép chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình.
- Bảng tổng hợp chi tiết: tổng hợp chi tiết các công trình mục đích đối chiếu với sổ cái tổng hợp, bảng cân đối tài khoản phát hiện các sai sót.

2.3.2.3.4 Kết quả phần hành chi phí máy thi công

- Ví dụ 4: Tháng 6/2015, tổ trưởng đội thi công số 3 lập bảng chấm công các thành viên trong đội thi công công trình lán trại Bệnh viện Bạch Mai ((Là công nhân thuê theo thời vụ, không đóng bảo hiểm)

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 6 năm 2019
Đội thi công số 2

Stt	Họ và tên	Ngày trong tháng																													Tổng cộng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
1	Nguyễn Văn Ba	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30
2	Phạm Văn Dũng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30

3	Nguyễn Văn Đức	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30
4	Nguyễn Thị Luyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30
5	Đinh Văn Hải	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30
6	Nguyễn Đắc Anh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	30

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Đội trưởng đội thi công
(Ký, họ tên)

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG LƯƠNG CÔNG NHÂN THÁNG 6 NĂM 2019

Đội thi công số 3 *Đơn vị tính: đồng*

	Họ tên			Tiền /ngà	Ph	Tổng	Ký
	Nguyễn Văn			120.0	40	4.000	
	Phạm Văn			120.0	40	4.000	

	Nguyễn Văn			120.0	40	4.000	
	Nguyễn Thị			120.0	40	4.000	
	Đinh Văn			120.0	40	4.000	
	Nguyễn Đắc			120.0	40	4.000	
	Tổng cộng					24.00	

Nhân viên kinh tế đội
(Ký, họ tên)

Đội thi công
(Ký, họ tên)

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK Đư	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
…	…	…	…	…	…	…	…	…
30/06/2019	Bảng thanh toán lương	30/06/2019	Lương công nhân phải trả	x		622	24.000.000	
				x		334		24.000.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Tổng cộng	x	x	x	**2.972.593.232**	**2.972.593.232**

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VNĐ	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
…….	….	…	….	…	…	…
30/06/2019	Bảng thanh toán lương	30/06/2019	Lương công nhân phải trả	334	24.000.000	
30/06/2015						
30/06/2019		30/06/2019	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		260.000.000
			Cộng phát sinh		**260.000.000**	**260.000.000**
			Số dư cuối kỳ			

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 622: Chi phí nhân công trực tiếp

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Người lập | **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên)*

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại tổng hợp An Hà
Số 20 ngách 11, ngõ 2 đường Thanh Lãm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, tp.Hà Nội

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo 133/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu Tkđư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kì					
……..	……	……..	…….	……..	……	…….	…….	…….
30/06/2019	Bảng thanh toán lương	30/06/2019	Lương công nhân phải trả			334	24.000.000	

30/06/2019		30/06/2019	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp			154		260.000.000
			Số phát sinh trong tháng				**260.000.000**	**260.000.000**
			Số dư cuối kì					

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

2.3.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

2.3.2.3.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

- Chứng từ từ hạch toán gồm**:** bảng thanh toán lương và phụ cấp, phiếu xuất kho, bảng trích khấu hao máy thi công, ...
- Trình tự luân chuyển chứng từ**:** chi phí máy thi công chủ yếu phát sinh tại công trường nên chứng từ được nhân viên kinh tế đội tập hợp chuyển về phòng kế toán để hạch toán, tại phòng kế toán, kế toán sẽ kiểm tra chứng từ, hạch toán ghi sổ, lưu chứng từ theo công trình.

2.3.2.4 Kế toán chi phí sản xuất chung

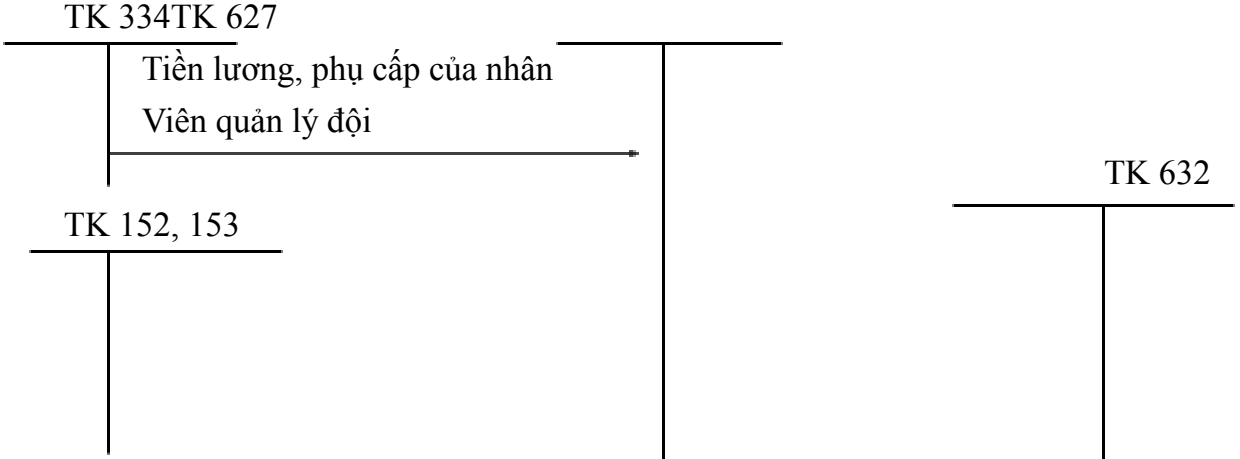
2.3.2.4.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển

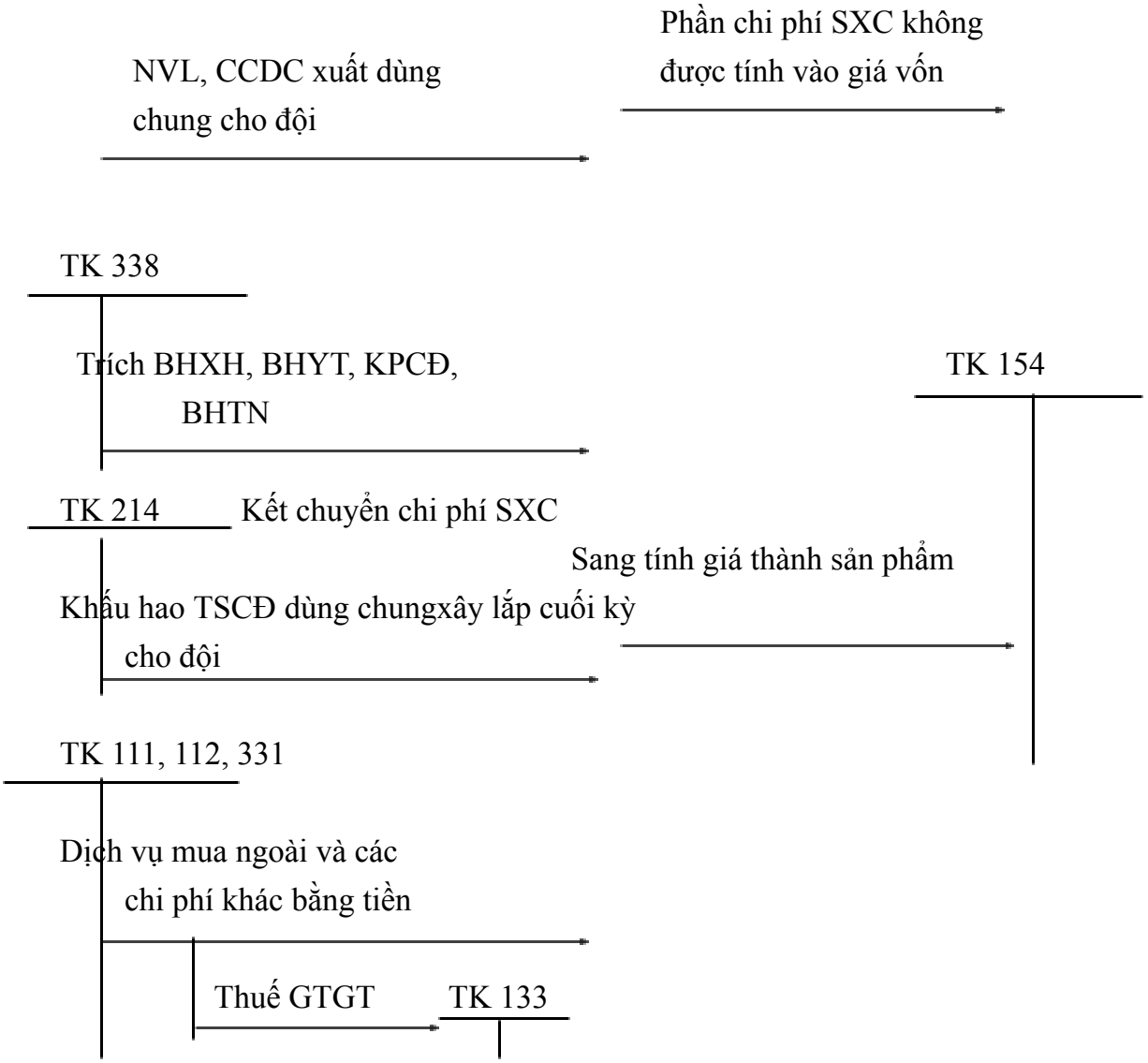
- Chứng từ:bảng thanh toán lương của đội xây lắp, phiếu xuất kho, bảng tính khấu hao, ...

- Trình tự luân chuyển chứng từ:chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đội xây lắp nên chứng từ cũng chủ yếu phát sinh tại đó sẽ được nhân viên kinh tế đội tập hợp chuyển về Công ty, kế toán chi phí kiểm tra, hạch toán và chuyển cho các phần hành liên quan cuối cùng lưu chứng từ theo công trình.

2.3.2.4.2Tài khoản sử dụng và trình tự hạch toán

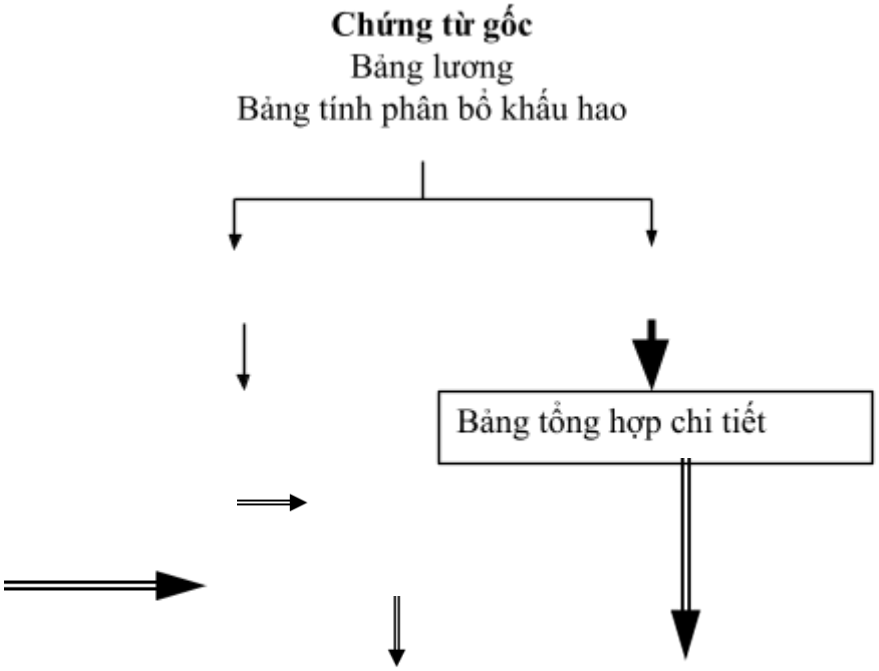
- Tài khoản sử dụng: TK 627 – Chi phí sản xuất chung





Sơ đồ 2.14 Quy trình hạch toán tài khoản chi phí sản xuất chung

2.3.2.4.3 Hệ thống sổ



Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 627

Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Bảng cân đối tài khoản

Báo cáo tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.15 Quy trình ghi sổ tài khoản chi phí sản xuất chung

- Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ về chi phí sản xuất chung theo trình tự thời gian.
- Sổ cái tổng hợp: phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất chung phát sinh của các đội xây lắp.

- Sổ kế toán chi tiết: kế toán ghi chép chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình.Bảng tổng hợp chi tiết: tổng hợp chi tiết để đối chiếu với sổ tổng hợp, bảng cân đối phát sinh nhằm phát hiện sai sót.

2.3.2.4.4 Kết quả phần hành

- Ví dụ 7: Tháng 6 năm 2019, kế toán tính lương và các khoản trích theo lương của công nhân quản lý công trình

BẢNG TÍNH LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Công nhân quản lý đội thi công và đội máy

(Tháng 6 năm 2019)

Đơn vị: đồng

STT	Họ tên	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trích theo lương			Tổng khấu trừ lương	Lương thực lĩnh
			BHXH	BHYT	BHTN		
1	Hoàng Hải Nam	8.000.000	640.000	120.000	80.000	840.000	7.160.000
2	Trần Minh Quang	7.000.000	560.000	105.000	70.000	735.000	6.265.000
3	Lê Văn Nam	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	4.475.000
4	Đỗ Công Tuấn	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	4.475.000
5	Nguyễn Văn Bình	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	4.475.000
6	Đào Tô Minh	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	4.475.000
Tổng		**35.000.000**	**2.800.000**	**525.000**	**350.000**	**3.675.000**	**31.325.000**

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*

Ví dụ 8: Hàng tháng, dựa trên danh sách TSCĐ đã được ban quản lí vốn duyệt, kế toán tiến hành trích khấu hao và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ cho tháng 6 năm 2019

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 6 năm 2019

Công trình cây xăng Thanh Hồng

	Chỉ tiêu	**Tỷ lệ**	**Nguyê**	**Số**
	Số khấu hao			33.450.

	Số khấu hao			49.004.
	Ô tô	15 năm	920.00	4.429.6

	Nhà xưởng	15%	2.800.0	18.666.
	...	...	...	...
	Số khấu hao			29.193.
	Máy tính	12%	550.00	4.583.3
	...	...	...	...

	Số khấu hao			53.261.

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**Đã ghi sổ cái**	**Số thứ tự dòng**	**Số hiệu TK Đư**	**Số phát sinh**	
	Số hiệu	**ngày tháng**					**Nợ**	**Có**
A	B	C	D	E	G	H	1	2

			Số trang trước chuyển sang					
…	…	…	…	…	…	…	…	…
30/06/2019	Bảng thanh toán lương	30/06/2019	Lương công nhân phải trả	x		627	31.325.000	
				x		334		31.325.000
30/06/2019	Bảng thanh toán lương	30/06/2019	Các khoản trích theo lương	x		627	3.675.000	
				x		338		3.675.000
30/06/2019	Bảng tính khấu hao	30/06/2019	Khấu hao TSCĐ	x		627	53.261.429	
				x		214		53.261.429
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Tổng cộng	x	x	x	**2.972.593.232**	**2.972.593.232**

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Ngày ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK ĐU**	**Số tiền VNĐ**	
	Số	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			Số dư đầu kỳ			

…….	….	…	….	…	…	…
30/06/2019	Bảng tính lương	30/06/2019	Lương công nhân phải trả	334	35.000.000	
25/06/2019	Bảng tính lương	25/06/2019	Các khoản trích theo lương	338	3.675.000	
30/06/2019	Bảng tính khấu hao		Chi phí khấu hao TSCĐ	214	53.261.429	
30/06/2019		30/06/2019	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		396.100.384
			Cộng phát sinh		**396.100.384**	**396.100.384**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**Nhật ký chung**		**Số hiệu Tkđư**	**Số tiền**	
	Số hiệu	**Ngày**		**Trang sổ**	**STT dòng**		**Nợ**	**Có**

A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kì					
……..	……	……..	…….	……..	……	…….	……	…….
30/06 /2019	Bảng tính lương	30/06 /2019	Lương công nhân phải trả			334	35.000.000	
25/06 /2019	Bảng tính lương	25/06 /2019	Các khoản trích theo lương			338	3.675.000	
30/06 /2019	Bảng tính khấu hao		Chi phí khấu hao TSCĐ			214	53.261.429	
30/06 /2019		30/06 /2019	Kết chuyển chi phí sản xuất chung			154		396.100.38
			Số phát sinh trong tháng				**396.100.384**	**396.100.38**
			Số dư cuối kì					

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

2.3.2.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.3.2.5.1 Quy định, nguyên tắc kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty

- **Đối tượng tập hợp chi phí**: chi phí được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình, chi phí sản xuất liên quan đến công trình nào thì tập hợp trực tiếp vào công trình đó.Cụ thể ở ví dụ này là công trình cây xăng Thanh Hồng

- Tập hợp chi phí từng công trình, kế toán kết chuyển các khoản mục chi phí: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung cho công trình đó

2.3.2.5.2Quy định, nguyên tắc xác định chi phí sản xuất dở dang

- Việc xác định khối lượng dở dang xây lắp cuối kì của các công trình của công ty được tiến hành theo các bước:

+ **Bước 1Nghiệm thu nội bộ**: ban kĩ thuật nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền lương cho công nhân và lập báo cáo.

+ **Bước 2 Nghiệm thu cơ sở**: do cán bộ giám sát bên chủ đầu tư với công ty thực hiện, số liệu này làm căn cứ để lập báo cáo.

+ **Bước 3 Nghiệm thu thanh toán**: nghiệm thu giai đoạn theo điểm dừng kĩ thuật, thành phần tham gia gồm giám sát kĩ thuật ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế và người đại diện công ty, Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này, công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

+ **Bước 4 Nghiệm thu công trình hoàn thành**: được thực hiện khi toàn bộ công trình hoàn thành, có thể bàn giao đưa vào sử dụng.

- Căn cứ biên bản nghiệm thu nội bộ và biên bản nghiệm thu thanh toán để xác định khối lượng sản phẩm dở dang, cán bộ kĩ thuật cùng chủ đầu tư cùng lập "Báo cáo giá trị dự toán khối lượng xây lắp" theo từng khoản mục tính cho công trình.

- Công ty tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kì theo giá trị dự toán, cụ thể, giá trị khối lượng sản phẩm sở dang cuối kì được tinh theo công thức:

Chi phí sản xuất dở dang cuối kì = **Chi phí sản xuất** + **Giá trị khối lượng sản phẩm dở dang cuối kì** / **Giá trị khối lượng hoàn thành**

- Công ty tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kì theo giá trị dự toán, cụ thể, giá trị khối lượng sản phẩm sở dang cuối kì được tinh theo công thức:

2.3.2.5.3 Quy định kế toán tình giá thành sản phẩm tại công ty

- **Đối tượng tính giá thành**: công trình cây xăng Thanh Hồng
- **Kỳ tính giá thành**: Đối với công trình cây xăng Thanh Hồng, công ty xác định kì tính giá thành sản phẩm theo thời gian thực hiện công trình, do vậy, kế toán công ty tiến hành tính giá thành khi công trình hoàn thành. Công trình này có thời gian bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015, thời gian thi công là 9 tháng.
- **Phương pháp tính giá thành**: công ty áp dụng tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp). Theo phương pháp này, kế toán

tiến hành tập hợp các chi phí sản xuất trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành. Và tổng chi phí tập hợp được chính là giá thành của công trình, hạng mục công trình đó.

- Công thức: **Z = C**

+ Z: Tổng giá thành công trình, hạng mục công trình.

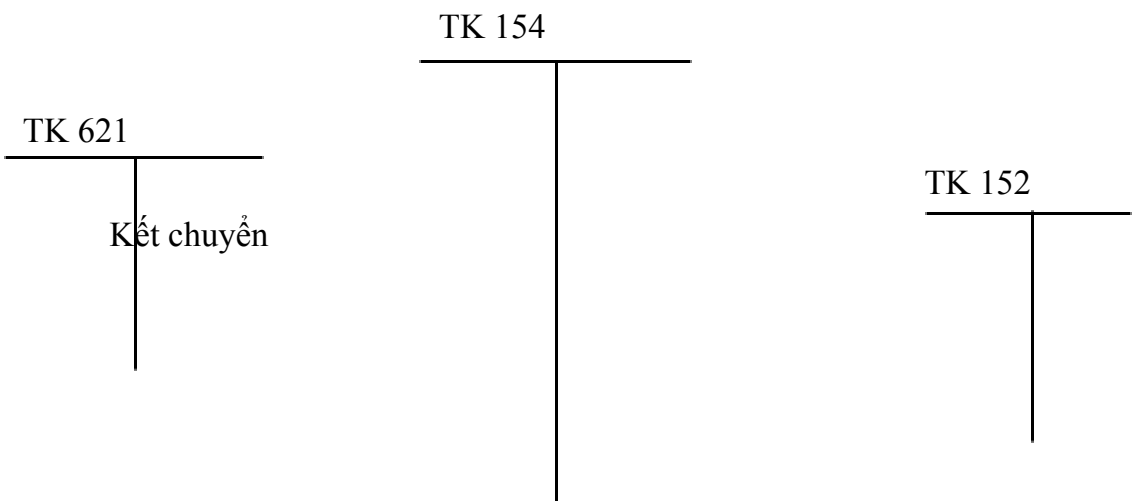
+ C: Tổng chi phí sản xuất tập hợp được theo công trình

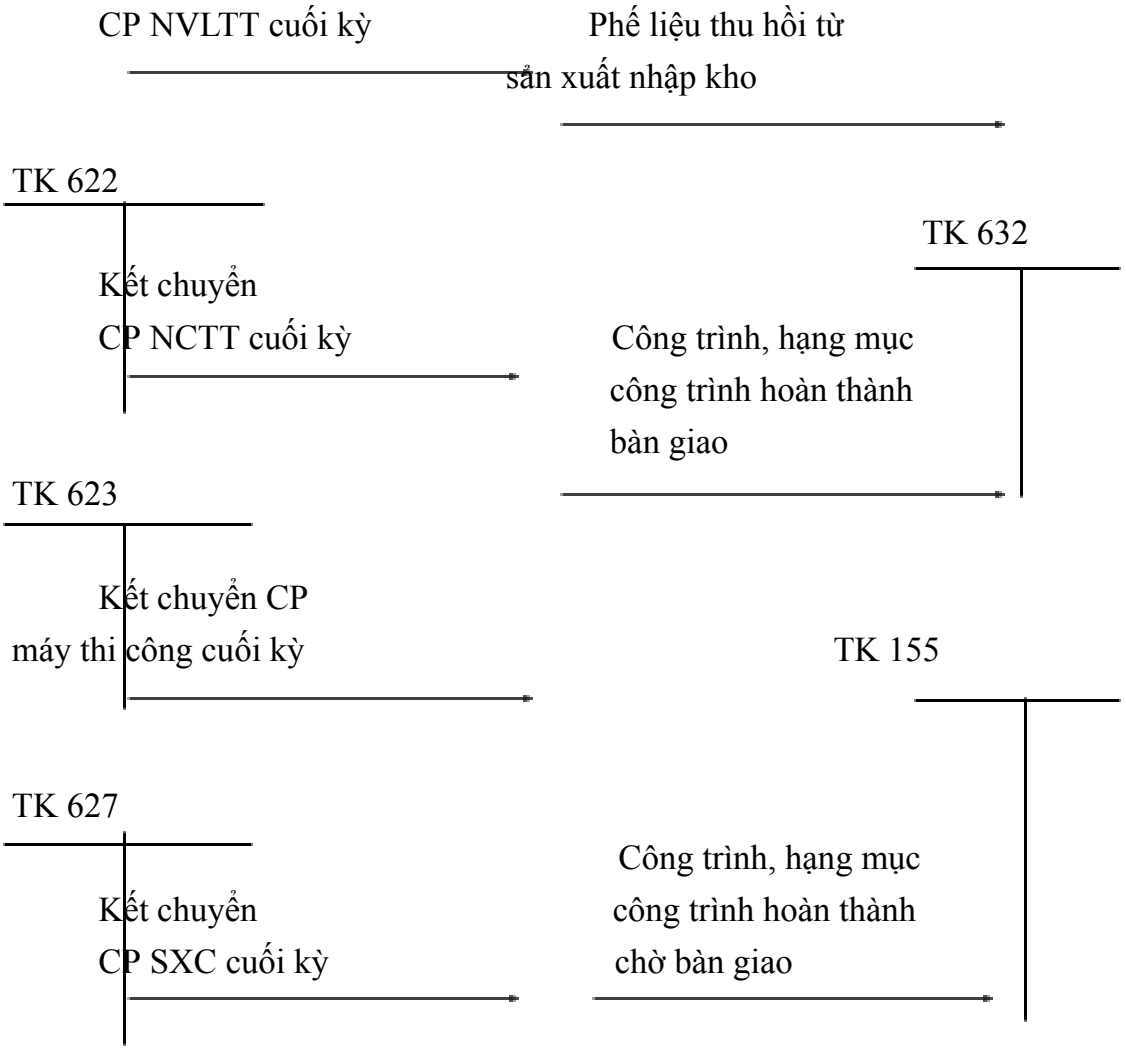
- Trường hợp công trình chưa hoàn thành mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao, thì giá thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bào giao được xác định như sau:

Giá thành thực tế của khối lượng hoàn thành bàn giao	**Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ**	+	**Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ**	-	**Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ**

2.3.2.5.4 Tài khoản sử dụng và quy trình hạch toán

- Tài khoản sử dụng: TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang





Sơ đồ *2.16 Quy trình hạch toán tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*

2.3.2.5.5 Hệ thống sổ

- Sổ nhật ký chung: phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh theo trình tự thời gian
- Sổ cái: Phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của tất cả các sản phẩm của công ty.

- Sổ chi tiết tài khoản: phản ánh chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình.

- **Ví dụ 8: Ngày 30/09/2015, Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà hoàn thành bàn giao công trình xây dựng Cây xăng Thanh Hồng. Thời gian khởi công 01/01/2015**

-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VNĐ	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
30/09/2019		30/09/2019	Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	832.870.165	
30/09/2019		30/09/2019	Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp	622	350.060.000	
30/09/2019		30/09/2019	Tập hợp chi phí máy thi công	623	135.273.846	
30/09/2019		30/09/2019	Tập hợp chi phí sản xuất chung	627	482.465.866	
			Cộng phát sinh		**1.800.669.877**	
			Số dư cuối kỳ			

- **SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

- Tài khoản 154
- Công trình cây xăng Thanh Hồng
- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019
-
-

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Người lập **Kế toán trưởng**

-
-
-

- THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- Đối tượng tính giá: Công trình cây xăng Thanh Hồng

- Ngày 30/09/2019

- *Đơn vị tính: đồng*

	Khoả	**Ch**	**Chi phí**	**Ch**	**Tổng**

	Chi	-	832.87	-	832.87
	Chi	-	350.06	-	350.06

	Chi		135.27	-	135.27
	Chi	-	482.46	-	482.46

	Cộng		**1.800.6**		**1.800.6**

-
-
-

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2019 đến 30/09/2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**Đã ghi sổ cái**	**Số thứ tự dòng**	**Số hiệu TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	Số hiệu	**ngày tháng**					**Nợ**	**Có**
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		1			
…	…	…	…….	….	…	…	….	….

30/09/2019		30/09/2019	Kết chuyển chi phí sản xuất	x		154	**1.800.669.877**	
			Kết chuyển chi phí NVLTT	x		621		832.870.165
			Kết chuyển chi phí NCTT	x		622		350.060.000
			Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	x		623		135.273.846
			Kết chuyển chi phí sản xuất chung	x		627		482.465.866
30/09/2019		30/09/2019	Kết chuyển giá vốn	x		632	**1.800.669.877**	
				x		154		**1.800.669.877**
			Tổng cộng	x	x	x	**5.498.638.020**	**5.498.638.020**

-

Người lập | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc**

(Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, đóng dấu, họ tên)*

-

- SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2019

Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2

30/09/2019		30/09/2019	Kết chuyển chi phí sản xuất			621	832.870.165	
						622	350.060.000	
						623	135.273.846	
						627	482.465.866	
30/09/2019		30/09/2019	Kết chuyển giá vốn			632		**1.800.669.877**
			Tổng cộng				**1.800.669.877**	**1.800.669.877**

-
-

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

2.4 CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

2.4.1 Nguồn số liệu và người chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính

- Nguồn số liệu: Cơ sở để lập báo cáo tài chính là số liệu cuối kỳ của báo cáo tài chính năm trước (kỳ trước), Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản (đây là số liệu chủ đạo để lên báo cáo tài chính sau này), số liệu từ sổ kế toán tổng hợp, số liệu từ sổ kế toán chi tiết tại thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi đã khóa sổ. Từ số liệu thu được, kế toán tổng hợp để lên báo cáo tài chính. Một bộ báo cáo tài chính đầy đủ phải nộp lên cơ quan quản lý Nhà nước bao gồm:

Tên báo cáo	Mẫu số
Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B – 01 DN
Báo cáo kết quả SXKD	Mẫu số B – 02 DN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B – 03 DN
Thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B – 09 DN
Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	Mẫu số 03/TNDN theo TT151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính

Bảng cân đối phát sinh các tài khoản	Mẫu số S06-DN

- Người chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính:Tại Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà, Kế toán tổng hợp của Công ty là người chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Vào thời điểm lập báo cáo tài chính kế toán tổng hợp kiểm tra số liệu cũng như báo cáo do Kế toán phần hành lập từ đó làm căn cứ lập lên báo cáo Tài chính chính thức của công ty.

2.4.2 Quy trình lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

- Các bước thực hiện như sau:

+ Bước 1: Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán như cập nhật hệ thống chứng từ phản ánh từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh nghiệp, giải quyết các vướng mắc phát sinh, hạch toán từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kết quả hạch toán có Sổ cái tài khoản, sổ chi tiết các tài khoản, ...

+ Bước 2: Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế TNDN.

- Lập báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo quyết toán thuế TNDN theo quy định hiện hành.

+ Bước 3: Hoàn thiện

- In báo cáo tài chính và các báo các khác có liên quan.
- Đóng quyển, ký đóng dấu.
- Gửi báo cáo cho các đơn vị liên quan kịp thời.

2.4.3 Công tác lập báo cáo kế toán quản trị

- Công ty không lập báo cáo quản trị.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN *XL & TMTH AN HÀ*

3.1. Đánh giá về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà*

Trong những năm qua, Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà đã luôn cố gắng trong công tác sản xuất, kinh doanh cũng như công tác quản lý tổ chức kế toán.* Kết quả kinh doanh đạt được năm sau cao hơn năm trước đó là nhờ sự cố gắng không ngừng của toàn thể các bộ phận công ty dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban giám đốc công ty. Do đó, Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trong

nền kinh tế quốc dân, đứng vững và phát triển không ngừng, đạt được nhiều thành tích cao trong kinh doanh.

Để có được thành tích trên, ngoài sự đóng góp, phấn đấu nỗ lực của toàn công ty còn có sự đóng góp tích cực của đội ngũ kế toán viên công ty. Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của mình, đội ngũ kế toán đã luôn cung cấp số liệu, thông tin một cách chính xác, kịp thời cho lãnh đạo công ty nhằm có những biện pháp, chính sách, phương thức kinh doanh tiêu thụ hàng hóa, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên, đáp ứng nhu cầu của thị trường, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế trong nước phát triển.

Trên cơ sở kiến thức đã được học kết hợp với thời gian thực tập tại phòng Tài chính – Kế toán của Công ty Cổ phần *XL & TMTH An Hà, nhờ sự giúp đỡ, hướng dẫn chỉ bảo tận tình của các anh chị kế toán viên, bản thân em đã tìm hiểu được tình hình thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng và có những nhận xét sau:*

3.2. Những mặt đạt được trong kế toán Nguyên vật liệu.

- Công ty đã áp dụng chế độ kế toán theo đúng quy định của bộ tài chính.
- Bộ máy kế toán của Công ty tương đối gọn nhẹ, khoa học, linh hoạt.
- Nhân lực kế toán trong công ty: Trình độ tương đối đồng đều, 100% tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán, có thời gian công tác tại công ty tối thiểu 3 năm.
- Việc phân công lao động kế toán thực hiện công tác hạch toán nói chung và công tác lập báo cáo tài chính nói riêng rất rõ ràng, hợp lý.

3.3. Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà.

3.3.1. Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

Hiện nay các doanh nghiệp không ngừng đổi mới và phát triển cả về hình thức, ngành nghề kinh doanh mà cả về quy mô và hoạt động . Thực hiện hạch toán trong cơ chế hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự lấy thu bù chi, tự lấy thu nhập của mình để bù đắp những chi phí bỏ ra để có lợi nhuận. Để thực hiện những yêu cầu đó các đơn vị phải quan tâm tới tất cả các khâu trong quá trình sản xuất từ

khi bỏ vốn ra cho tới khi thu hồi về để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của nhà nước, thu lợi và tái sản xuất mở rộng.

- Kế toán nguyên vật liệu là một trong những công cụ hiệu quả nhất để phản ánh khách quan và giám đốc tốt quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp
- Chi phí nguyên vật liệu là một trong những yếu tố của quá trình sản xuất, thông thường chiếm tỉ lệ rất lớn khoảng 60% đến 80% giá trị sản phẩm.
- Do đó công tác quản lý nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, thông qua công tác quản lý nguyên vật liệu có thể giảm giá thành, tăng thu nhập cho doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà trong thời gian qua đã nâng cao được tiềm lực và uy tín, và đang dần đa dạng ngành nghề kinh doanh và mở rộng quy mô. Do đó mà công tác kế toán nguyên vật liệu ngày càng phức tạp, có những đòi hỏi ngày càng cao. Chính vì thế mà cần phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu giúp doanh nghiệp phát triển và đứng vững trên thị trường.

3.3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

❖ ***Yêu cầu hoàn thiện:***

- Phương án mới phải tuân thủ các chính sách của nhà nước, các nguyên tắc tài chính kế toán hiện hành của Bộ tài chính quy định chung cho các doanh nghiệp.
- Phải đưa ra các phương án có tính khả thi cao mà doanh nghiệp có thể thực hiện được sao cho không có rủi ro.
- Khi thực hiện phương án mới phải đem lại hiệu quả cao hơn so với cách làm hiện tại.

❖ ***Nguyên tắc hoàn thiện.***

- Phải dựa trên các thông tư nghị định của Bộ tài chính về hệ thống các phương pháp thực hiện hạch toán kế toán.
- Thực hiện đúng quy định về biểu mẫu kế toán, tài khoản sử dụng.
- Phù hợp với yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà không trái với quy định chung.
- Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế của công tác kế toán.

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện

Về phần hành kế toán nguyên vật liệu của công ty

- Công ty tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân cả kì dự trữ. Phương pháp này làm giảm nhẹ việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu nhưng công việc tính giá nguyên vật liệu vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đế tiến độ của các khâu kế toán. Đồng thời, kế toán phải tính giá cho từng loại nguyên vật liệu.

-Về nhiệm vụ của kế toán: một kế toán của công ty phải đảm nhiệm nhiều phần việc như kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán công cụ dụng cụ và TSCĐ, thủ quỹ kiêm kế toán tiền mặt và kế toán tiền lương.

-Việc áp dụng công nghệ thông tin ở công ty còn hạn chế, công tác kế toán chủ yếu là thủ công, khối lượng công việc tương đối nhiều, việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc bị hạn chế.

Về phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- Toàn bộ việc chấm công cho công nhân ở các đội là do các tổ trưởng thực hiện. Tuy điều này giúp công việc kế toán chi phí giảm bớt nhưng kế toán chỉ có thể nắm bắt được tổng số mà không thể kiểm tra chính xác trong việc tính lương và các khoản trích theo lương của từng công nhân.
- Một số công cụ dụng cụ luân chuyển dùng cho nhiều kì công ty không thực hiện phân bổ mà tính một lần vào lần sử dụng đầu tiên.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ không được trích trước. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh vào tháng nào thì sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất chung của tháng đó, gây sự mất ổn định về chi phí sản xuất giữa các tháng.
- Công ty chưa tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân viên, khi khoản chi phí này thực tế phát sinh thì kế toán mới hạch toán, trong khi việc nghỉ phép lại không diễn ra đều đặn hàng năm.

3.3.4.Nhận dạng các vấn đề cần giải quyết trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty

Về phần hành kế toán nguyên vật liệu

- Công ty nên bổ sung nhân lực kế toán cho phòng tài chính kế toán, để giảm áp lực cho kế toán tổng hợp để tăng hiệu quả công việc.
- Khi có nhu cầu về vật tư, đại diện phân xưởng phải làm nhiều yêu cầu vật tư thông qua phòng quản lí rồi mang xuống kho để lĩnh vật tư, điều này có thể làm chậm tiến độ thi công. Để khắc phục điều này, công ty có thể lập phiếu xuất vật tư theo hạn mức

- Công ty nên lập báo cáo kế toán quản trị hàng năm để giúp chủ sở hữu vốn nắm bắt được hiệu quả trong việc sử dụng vốn để ra các quyết sách kịp thời góp phần đưa công ty ngày càng phát triển.

Về phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- Để tránh trường hợp giá thành công trình bị tăng do tăng giá, công ty nên trích lập trước các khoản dự phòng về giảm giá nguyên vật liệu.
- Bên cạnh việc theo dõi vật tư qua phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, giấy đề nghị xin lĩnh vật tư thì công ty nên sử dụng thêm phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.
- Công ty cần áp dụng phương pháp phân bổ công cụ dụng cụ đúng và đủ đối với từng loại xuất dùng. Đối với chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công ty cần tính toán để trích trước tránh trường hợp chi phí phát sinh quá lớn ảnh hưởng đến việc tính giá thành công trình đang sử dụng TSCĐ đó.
- Bên cạnh đó, công ty cần đầu tư phần mềm kế toán để giảm nhẹ công việc kế toán đồng thời giúp công tác kế toán của công ty tiến hành nhanh chóng và hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Thời gian học trên lớp giúp em hiểu được các khái niệm, quy trình và cách thức hạch toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh như thế nào, nhưng nếu không thực hành thực tế thì kiến thức trên sách vở khác rất xa so với thực tế. Khoảng thời gian thực hành thực tế tại Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà tuy không dài nhưng đó quả là một khoản thời gian vô cùng quý giá với bản thân, bởi em được tận tay, tận mắt xem xét, tìm hiểu quy trình hạch toán kế toán trên thực tế.

Qua đây em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo hướng dẫn **Ths Nguyễn Minh Đức– giảng viên Viện Kinh tế và Quản lý trường Đại học Bách khoa Hà Nội** đã giúp em hoàn thành báo cáo này, cũng qua đây em xin gửi lời cảm ơn tới tập thể các anh chị phòng TCKT Công ty Cổ phần XL & TMTH An Hà đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập tại Công ty.

Tuy nhiên do hiểu biết, khả năng vận dụng, kinh nghiệm thực tế hạn chế nên báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy các cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!.

Hà Nội ngày 11 tháng 07 năm 2019
Sinh viên
Nguyễn Thị Nhinh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Nguyễn Văn Công, *kế toán doanh nghiệp-Lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải ,NXB Tài Chính,* 2014

2. PGS.TS Nguyễn Văn Công, *Kế toán doanh nghiệp*,NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân 2014

3. PGS.TS. Nghiêm Sỹ Thương, TS.Nguyễn Hoàng Lan,TS. Nguyên Mai Chi,Th.S.Nguyễn Minh Đức, Th.S.Dương Vân Hà,Th.S.Nguyễn Lê Hà, Th.S.Thái Minh Hạnh, Th.S.Nguyễn Văn Nghiệp,*Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán,*NXB Giáo Dục Việt Nam.

4. PGS.TS.Nguyễn Việt, Giáo Trình Nguyên Lý Kế Toán,NXB Lao Động.

5. TS.Trương Thị Thủy,TH.S Nguyễn Thị Hòa,Th.S Bùi Thị Thu Phương, *Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp*,NXB Tài Chính.

6. Bộ tài Chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp- Quyển 1: Hệ Thống Tài Khoản Kế Toán*, NXB Lao Động Xã Hội.

7. Bộ tài Chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp- Quyển 2: Báo Cáo Tài Chính,Chứng từ và sổ sách kế toán,* NXB Lao Động Xã Hội.

8. Bộ giáo dục và đào tạo*, Chế độ kế toán doanh nghiệp và chuẩn mực Kế toán,*NXB Lao Động, 2014

9. Bộ Tài Chính, *Luật Kế Toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện*, NXB Tài Chính 2015

10. Thông tư số 13/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng

11. Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính.

12. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

13. *Nâng cao hiệu quả hoạt động cung hàng, NVL tại các doanh nghiệp,* Lê Anh Tuấn KT&PT, Số 183 (II), tháng 9 năm 2012, trang 91-96.

14. *Những phương án xây dựng kế toán quản trị trong Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh,* Tạp Chí Kế toán.

15. *Về Kế toán hàng tồn kho theo thông tư 200*, Tạp chí kế toán và kiểm toán ngày 2 tháng 7 năm 2015.

Em xin chân thành cảm ơn!.

Hà Nội ngày 11 tháng 07 năm 2019

Sinh viên

Nguyễn Thị Nhinh